

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH : KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên :

Hoàng Đức Trung

HẢI PHÒNG – 2022

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG
TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG
TRÌNH THỦY LỢI ĐA ĐỘ**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên : **Hoàng Đức Trung**
Giảng viên hướng dẫn: **Th.s Trần Thị Thanh Thảo**

HẢI PHÒNG – 2022

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Hoàng Đức Trung

Mã SV: 2013401005

Lớp : QTL2401K

Ngành : Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

❖ Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp:

- Tìm hiểu lý luận về công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp
- Tìm hiểu thực tế tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại đơn vị thực tập
- Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng, trên cơ sở đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.

❖ Các tài liệu, số liệu cần thiết:

- Sưu tầm, lựa chọn tài liệu phục vụ công tác kế toán vốn bằng tiền năm 2020 hoặc 2021 tại Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ.

❖ Địa điểm thực tập tốt nghiệp:

Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Họ và tên : Trần Thị Thanh Thảo

Học hàm, học vị : Thạc sĩ

Cơ quan công tác : Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ.

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 4 tháng 04 năm 2022

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 24 tháng 06 năm 2022

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Giảng viên hướng dẫn

Hoàng Đức Trung

Trần Thị Thanh Thảo

Hải Phòng, ngày tháng năm 2022

XÁC NHẬN CỦA KHOA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên : **Trần Thị Thanh Thảo**
Đơn vị công tác : Khoa Quản Trị Kinh Doanh
Họ và tên sinh viên : **Hoàng Đức Trung** Ngành: Kế toán kiểm toán
Đề tài tốt nghiệp : Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ
Nội dung hướng dẫn : Kế toán vốn bằng tiền

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

Sinh viên **Hoàng Đức Trung** trong quá trình làm khóa luận luôn chấp hành tốt các yêu cầu quy định của giáo viên hướng dẫn về thời gian cũng như nội dung yêu cầu của bài viết.

2.Đánh giá chất lượng của đồ án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

+Về lý luận: Đã hệ thống hóa được những lý luận cơ bản về kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp vừa và nhỏ theo TT 200.

+Về thực tiễn: Đã mô tả được chi tiết kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ theo hình thức kế toán Nhật ký chung với số liệu khảo sát năm 2021. Các số liệu tính toán minh họa khá phong phú, đảm bảo tính logic theo trình tự kế toán từ chứng từ đến sổ sách đáp ứng được yêu cầu của bài khóa luận tốt nghiệp. Tác giả đã đưa ra được một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ nói riêng.

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp:

Được bảo vệ Không được bảo vệ Điểm hướng dẫn

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm

Giảng viên hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	9
-------------------------	----------

CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP THEO THÔNG TƯ 200/214 TT-BTC. 10

1.1. TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP:	10
1.1.1. SỰ CẦN THIẾT CỦA VỐN BẰNG TIỀN:	10
1.1.2. KHÁI NIỆM VÀ ĐẶC ĐIỂM VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP:	10
1.1.3. VAI TRÒ CỦA KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN:	11
1.1.4. NHIỆM VỤ CỦA KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN:	12
1.2. TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP THEO THÔNG TƯ 200/214/TT BTC:	12
1.2.1.NHỮNG QUY ĐỊNH KHI HẠCH TOÁN VỐN BẰNG TIỀN:	12
1.2.2 TỔ CHỨC KẾ TOÁN TIỀN MẶT TẠI QUỸ:	13
1.2.3. TỔ CHỨC KẾ TOÁN TIỀN GỬI NGÂN HÀNG TRONG DOANH NGHIỆP:.....	19
1.2.4. KẾ TOÁN TIỀN ĐANG CHUYÊN TRONG DOANH NGHIỆP:	26
1.3. HÌNH THỨC GHI SỔ KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP:.....	27
1.3.1. HÌNH THỨC NHẬT KÝ CHUNG:	28
1.3.2 HÌNH THỨC CHỨNG TỪ GHI SỔ:	29
1.3.3. HÌNH THỨC NHẬT KÝ- CHỨNG TỪ:.....	30
1.3.4 HÌNH THỨC KẾ TOÁN NHẬT KÝ - SỔ CÁI:.....	32
1.3.5. HÌNH THỨC KẾ TOÁN TRÊN MÁY TÍNH:	33

CHƯƠNG 2:

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐA ĐỘ..... 35

2.1. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐA ĐỘ:	35
2.1.1. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐA ĐỘ: .	35

2.1.2. ĐẶC ĐIỂM SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY:	35
2.1.3. ĐẶC ĐIỂM MÔ HÌNH TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY:	36
2.1.4. ĐẶC ĐIỂM TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN CỦA CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐA ĐỘ:	39
2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐA ĐỘ:	45
2.2.1. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN TIỀN MẶT TẠI QUỸ CỦA CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐA ĐỘ:	45
2.2.2. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN TIỀN GỬI NGÂN HÀNG TẠI CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐA ĐỘ:	63
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐA ĐỘ.	76
3.1.1. ƯU ĐIỂM:	76
3.1.2. HẠN CHẾ:	78
3.2.1. SỰ CẦN THIẾT PHẢI HOÀN THIỆN:	79
3.2.2. MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU HOÀN THIỆN:	79
3.2.3. MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐA ĐỘ:	79
TÀI LIỆU THAM KHẢO	88

LỜI MỞ ĐẦU

Mỗi một doanh nghiệp khi tham gia vào thị trường thì cũng đều phải đối mặt với cuộc chiến tranh thương mại diễn ra vô cùng ác liệt. Cả môi trường bên trong và bên ngoài đều sẽ tác động chi phối rất lớn đến doanh nghiệp do đó đòi hỏi các doanh nghiệp luôn luôn nhận thức, đánh giá được tiềm năng của mình trên thị trường để có thể tồn tại, đứng vững và ngày càng phát triển, để đạt được điều đó thì kế toán là một bộ phận không thể thiếu trong việc cấu thành doanh nghiệp. Có thể nói kế toán là một công cụ đắc lực cho nhà quản lý, nó không ngừng phản ánh toàn bộ tài sản, nguồn vốn của doanh nghiệp mà nó còn phản ánh tình hình chi phí, lợi nhuận hay kết quả.

Do đó, hoạt động kinh doanh trong nền kinh tế thị trường đòi hỏi phải có sự quản lý chặt chẽ về vốn và đảm bảo cho việc sử dụng vốn một cách hiệu quả nhất, hạn chế mức thấp nhất tình trạng ứ đọng vốn hoặc thiếu vốn đảm bảo cho việc hiệu quả tối ưu nhất. Vì vậy, không thể không nhắc đến vai trò của kế toán trong việc quản lý vốn, từ đó vốn bằng tiền đóng vai trò là cơ sở ban đầu, đồng thời theo suốt quá trình kinh doanh của doanh nghiệp.

Với kiến thức đã học và thực tế tìm hiểu tại đơn vị thực tập em đã chọn đề tài: ***“Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ”*** làm đề tài khóa luận tốt nghiệp.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, khóa luận bao gồm 3 chương sau:
Chương 1: Lý luận chung về tổ chức kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp theo thông tư 200/2014/TT-BTC
Chương 2: Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ.
Chương 3: Một số ý kiến hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ.

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP THEO THÔNG TƯ 200/214 TT-BTC

1.1. Tổng quan về kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp:

1.1.1. Sự cần thiết của vốn bằng tiền:

Trong quá trình sản xuất kinh doanh vốn bằng tiền của doanh nghiệp vừa được sử dụng để đáp ứng nhu cầu về thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc mua sắm vật tư hàng hóa sản xuất kinh doanh, vừa là kết quả của việc mua bán hay thu hồi các khoản nợ. Thiếu vốn là một trong những trở ngại và cũng là nguyên nhân chính gây kìm hãm sự phát triển của doanh nghiệp. Do đó, vốn bằng tiền đóng một vai trò hết sức quan trọng và to lớn trong việc đảm bảo cho công tác sản xuất kinh doanh được liên tục và đem lại hiệu quả cho doanh nghiệp.

Đối với bất kì doanh nghiệp lớn hay nhỏ một khi đã bước vào hoạt động sản xuất kinh doanh đều phải cần một lượng vốn bằng tiền nhất định. Nhờ có vốn bằng tiền mà doanh nghiệp mới mua sắm được các yếu tố đầu vào cho hoạt động sản xuất kinh doanh từ đó hoạt động sản xuất kinh doanh mới được tiến hành. Do đó, doanh nghiệp cần phải quản lý vốn bằng tiền một cách thường xuyên và hiệu quả.

1.1.2. Khái niệm và đặc điểm vốn bằng tiền trong doanh nghiệp:

➤ *Khái niệm vốn bằng tiền:*

Vốn bằng tiền là một bộ phận của tài sản lưu động bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Vốn bằng tiền là tài sản của doanh nghiệp tồn tại dưới hình thái tiền tệ, có tính thanh khoản cao bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển với tính linh hoạt cao nhất, vốn bằng tiền được dùng để đáp ứng nhu cầu thanh toán của doanh nghiệp, thực hiện việc mua sắm hoặc chi phí hoạt động.

➤ *Đặc điểm vốn bằng tiền:*

Trong quá trình kinh sản xuất kinh doanh, vốn bằng tiền được sử dụng để đáp ứng nhu cầu về thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc mua sắm các loại vật tư hàng hóa phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh. Đồng thời vốn bằng tiền cũng là kết quả của việc mua, bán và thu hồi các khoản nợ. Việc sử dụng vốn bằng tiền phải tuân thủ các quy định nguyên tắc trong pháp luật của nhà nước Việt Nam cần được rõ ràng, minh bạch.

Tiền vốn trong doanh nghiệp được phân loại theo các các khác nhau và theo hình thức tồn tại vốn bằng tiền của doanh nghiệp được chia thành:

- Tiền Việt Nam: Là loại tiền phù hiệu. Đây là loại giấy bạc và đồng xu do Ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành và được sử dụng làm phương tiện giao dịch chính thức với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Ngoại tệ: Là loại tiền phù hiệu. Đây là loại giấy bạc không phải do Ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành nhưng được phép lưu hành trên thị trường Việt Nam như: Đồng Đô La Mỹ (USD), đồng tiền chung Châu Âu (EURO), đồng yên Nhật (JPY)...

- Vàng tiền tệ: Là loại tiền thực chất, tuy nhiên loại tiền này không có khả năng thanh khoản cao. Nó được sử dụng chủ yếu vì mục đích cất trữ. Mục tiêu đảm bảo một lượng trữ an toàn trong nền kinh tế hơn là vì mục đích thanh toán trong kinh doanh.

Và theo trạng thái tồn tại vốn bằng tiền của doanh nghiệp bao gồm :

- Tiền mặt tại quỹ: Gồm giấy bạc Việt Nam, ngoại tệ, vàng tiền tệ hiện đang giữ tại két của doanh nghiệp để phục vụ nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày trong sản xuất kinh doanh.

- Tiền gửi ngân hàng: Là tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng tiền tệ mà doanh nghiệp gửi tại tài khoản Ngân hàng của doanh nghiệp.

- Tiền đang chuyển: Là tiền đang trong quá trình vận động để hoàn thành chức năng phương tiện thanh toán hoặc đang trong quá trình vận động từ trạng thái này sang trạng thái khác.

1.1.3. Vai trò của kế toán vốn bằng tiền:

Vai trò của việc quản lý tốt vốn bằng tiền và các nghiệp vụ thanh toán đó là góp phần phát triển và lưu thông hệ thống tiền tệ trong doanh nghiệp. Bởi vậy, kế toán về vốn bằng tiền là một bộ phận rất quan trọng trong bộ máy kế toán tại doanh nghiệp.

- Quản lý vốn bằng tiền và các nghiệp vụ thanh toán trong doanh nghiệp sẽ đảm bảo tốt các mối quan hệ tác động qua lại giao dịch giữa các thành phần kinh tế. Nó cũng góp phần kích thích nền kinh tế phát triển nhanh hơn. Góp phần giúp

doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả, có sức cạnh tranh và đứng vững trên thị trường.

- Vốn bằng tiền và các nghiệp vụ thanh toán là cơ sở để đánh giá thực lực tài chính của doanh nghiệp trong quá trình sản xuất và kinh doanh. Từ đó nhằm tạo niềm tin của các đối tác có quan hệ với doanh nghiệp.

- Là cơ sở đánh giá kết quả hoạt động của doanh nghiệp. Điều này sẽ thể hiện thông qua vòng lưu chuyển tiền tệ có nhanh chóng hiệu quả hay không.

1.1.4. Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền:

- Phản ánh kịp thời các khoản thu chi vốn bằng tiền, thực hiện việc kiểm tra, đối chiếu dữ liệu thường xuyên với thủ quỹ nhằm đảm bảo tính chặt chẽ của vốn bằng tiền.

- Phản ánh tình hình tăng giảm khi sử dụng tiền ngân hàng thanh toán các hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Phản ánh các khoản tiền đang chuyển, kịp thời phát hiện nguyên nhân khiến tiền đang chuyển bị chậm trễ doanh nghiệp có biện pháp thích hợp để chuyển tiền kịp thời.

- Tổ chức thực hiện các quy định về chứng từ, thủ tục hạch toán kế toán vốn bằng tiền, kế toán thực hiện chức năng kiểm soát và phát hiện các trường hợp chi tiêu lãng phí, sai chế độ và phát hiện chênh lệch vốn bằng tiền.

1.2. Tổ chức kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp theo thông tư 200/214/TT BTC:

1.2.1. Những quy định khi hạch toán vốn bằng tiền:

- Sử dụng đơn vị tiền tệ thống nhất là đồng Việt Nam.

- Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt hoặc gửi vào ngân hàng phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái ngày giao dịch để ghi sổ kế toán.

- Khi tiến hành nhập, xuất quỹ tiền mặt phải có phiếu thu, phiếu chi và cá đủ chữ ký của người nhận, người giao, người ghi chép, xuất quỹ theo quỹ định của chế độ chứng từ kế toán.

- Thủ quỹ chịu trách nhiệm quản lý và nhập, xuất quỹ tiền mặt. Hàng ngày, thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế đối chiếu với số liệu quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt. Nếu có chênh lệch, kế toán và thủ quỹ phải kiểm tra lại để xác định nguyên nhân và nghĩ biện pháp để xử lý chênh lệch.

1.2.2 Tổ chức kế toán tiền mặt tại quỹ:

Mỗi doanh nghiệp đều có một lượng tiền mặt nhất định tại quỹ để phục vụ cho nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày trong sản xuất kinh doanh. Thông thường tiền giữ tại doanh nghiệp bao gồm: Giấy bạc Ngân hàng Việt Nam, các loại ngoại tệ, ngân phiếu, vàng bạc, kim khí quý, đá quý...

Để hạch toán chính xác tiền mặt, tiền mặt doanh nghiệp được tập chung tại quỹ. Mọi nghiệp vụ liên quan tới thu, chi tiền mặt, quản lý và bảo quản tiền mặt đều do thủ quỹ chịu trách nhiệm thực hiện.

1.2.2.1 Nguyên tắc hạch toán kế toán tiền mặt trong doanh nghiệp (TK 111):

Tài khoản 111 dùng để phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tại quỹ doanh nghiệp bao gồm: Tiền Việt Nam, ngoại tệ và vàng tiền tệ. Chỉ phản ánh vào TK 111 “Tiền mặt” số tiền mặt, ngoại tệ, vàng tiền tệ thực tế nhập, xuất, tồn quỹ. Đối với khoản tiền thu được chuyển nộp ngay vào Ngân hàng (không qua quỹ tiền mặt của doanh nghiệp) thì không ghi vào bên Nợ TK 111 “Tiền mặt” mà ghi vào bên Nợ TK 113 “Tiền đang chuyển”.

Các khoản tiền mặt do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại doanh nghiệp được quản lý và hạch toán như các loại tài sản bằng tiền của doanh nghiệp.

Khi tiến hành nhập, xuất quỹ tiền mặt phải có phiếu thu, phiếu chi và có đủ chữ ký của người nhận, người giao, người có thẩm quyền cho phép nhập, xuất quỹ theo quy định của chế độ chứng từ kế toán. Một số trường hợp đặc biệt phải có lệnh nhập quỹ, xuất quỹ đính kèm.

Kế toán quỹ tiền mặt phải có trách nhiệm mở sổ kế toán quỹ tiền mặt, ghi chép hàng ngày liên tục theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi, xuất, nhập quỹ tiền mặt, ngoại tệ và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm.

Thủ quỹ chịu trách nhiệm quản lý và nhập, xuất quỹ tiền mặt. Hàng ngày thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt. Nếu có chênh lệch, kế toán và thủ quỹ phải kiểm tra lại để xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch.

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo nguyên tắc:

- Bên Nợ TK 1112 áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế. Riêng trường hợp rút ngoại tệ từ ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt thì áp dụng tỷ giá ghi sổ kế toán của TK 111

- Bên Có TK 1112 áp dụng tỷ giá bình quân gia quyền di động hoặc tỷ giá giao dịch thực tế.

Việc xác định tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế được thực hiện theo quy định tại phần hướng dẫn tài khoản 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái và các tài khoản có liên quan.

Vàng tiền tệ được phản ánh trong tài khoản này là vàng được sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị, không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hoá để bán. Việc quản lý và sử dụng vàng tiền tệ phải thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, doanh nghiệp phải đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại số dư tiền mặt bằng ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do doanh nghiệp tự lựa chọn) tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Vàng tiền tệ được đánh giá lại theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

1.2.2.2. Chứng từ sử dụng trong kế toán tiền mặt tại quỹ:

Các chứng từ được sử dụng trong công tác hạch toán tiền mặt tại quỹ bao gồm:

- Phiếu thu (Mẫu số: 01 – TT): được sử dụng làm căn cứ để hạch toán số tiền mặt Việt Nam, ngoại tệ đã thu trong kỳ theo từng nguồn thu.

- Phiếu chi (Mẫu số: 02 – TT): được sử dụng làm căn cứ để hạch toán số tiền đã chi của đơn vị trong kỳ, là căn cứ xác định trách nhiệm vật chất của người nhận tiền.

- Giấy đề nghị thanh toán (Mẫu số: 05 – TT): dùng để tổng hợp các khoản chi kèm theo chứng từ (nếu có) làm thủ tục thanh toán.

- Biên lai thu tiền (Mẫu số: 06 – TT): là giấy biên nhận của đơn vị hoặc cá nhân đã thu tiền hoặc thu séc của người nộp tiền làm căn cứ để lập phiếu thu, nộp tiền vào quỹ đồng thời để người nộp thanh toán với đơn vị nộp tiền hoặc lưu quỹ.

1.2.2.3. Tài khoản sử dụng trong kế toán tiền mặt tại quỹ:

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 111 “ Tiền Mặt”:

+ TK 111 “Tiền mặt”: Phản ánh số hiện có và tình hình thu, chi, tồn quỹ của các loại tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp.

Số dư Đk bên nợ: Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng tiền tệ còn tồn quỹ tiền mặt.

Phát sinh bên nợ:

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng tiền tệ nhập quỹ.
- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng tiền tệ thừa ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.
- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tại thời điểm báo cáo (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam).
- Chênh lệch đánh giá lại vàng tiền tệ tăng tại thời điểm báo cáo.

Phát sinh bên có:

- Các khoản tiền mặt , ngoại tệ, vàng tiền tệ xuất quỹ.
- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng tiền tệ thiếu hụt ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.
- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tại thời điểm báo cáo (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam).
- Chênh lệch đánh giá lại vàng tiền tệ giảm tại thời điểm báo cáo.

Số dư Ck bên nợ: Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng tiền tệ còn tồn quỹ tiền mặt.

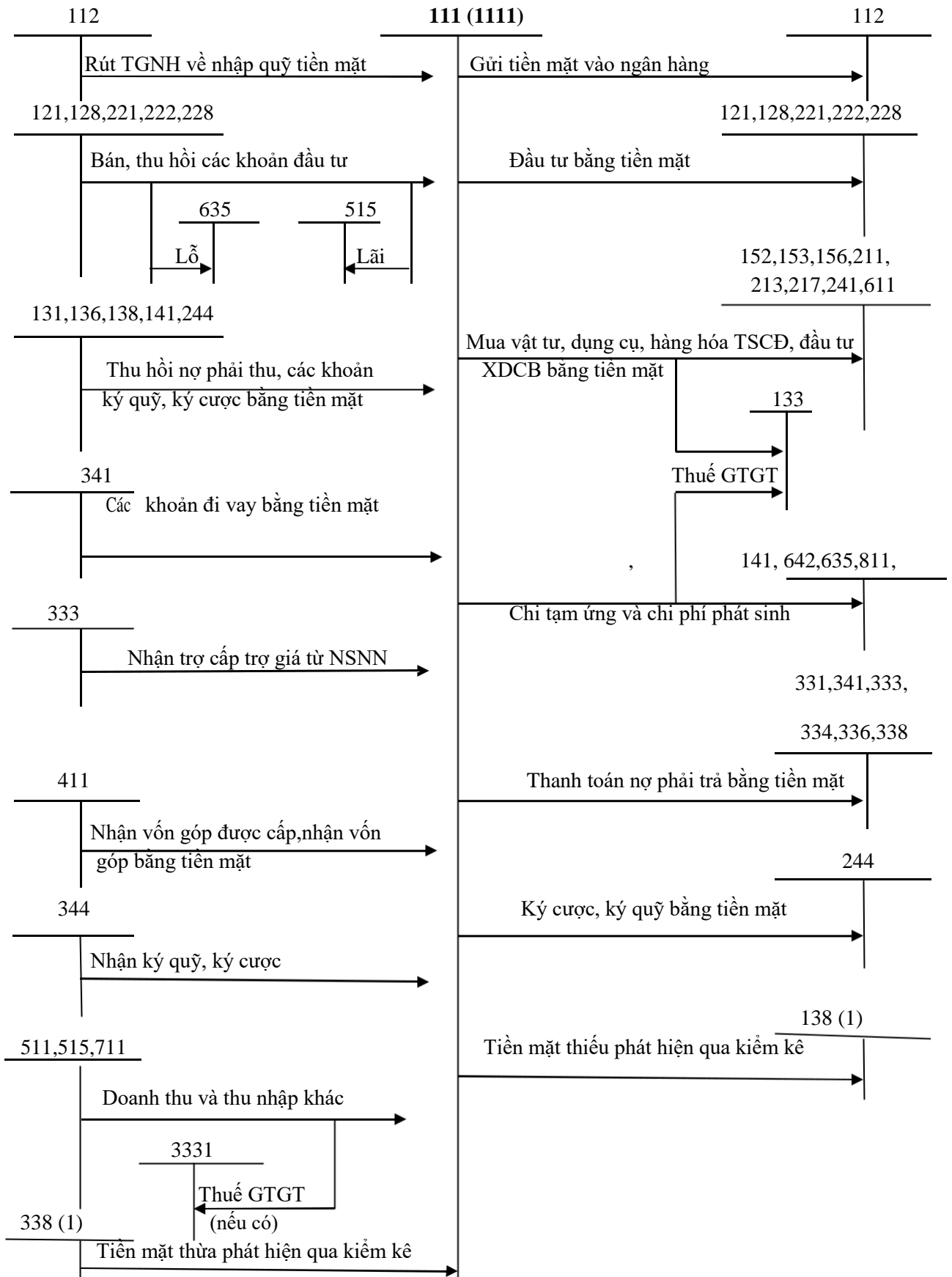
+ TK 111 bao gồm 3 loại tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 1111 - Tiền Việt Nam: Phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tiền Việt Nam tại quỹ tiền mặt.
- Tài khoản 1112 - Ngoại tệ: Phản ánh tình hình thu, chi, chênh lệch tỷ giá và số dư ngoại tệ tại quỹ tiền mặt theo giá trị quy đổi ra Đồng Việt Nam.
- Tài khoản 1113 - Vàng tiền tệ: Phản ánh tình hình biến đổi và giá trị vàng tiền tệ tại quỹ doanh nghiệp.

1.2.2.4. Kế toán tổng hợp tiền mặt tại quỹ:

a. Kế toán tổng hợp thu – chi tiền mặt bằng tiền Việt Nam:

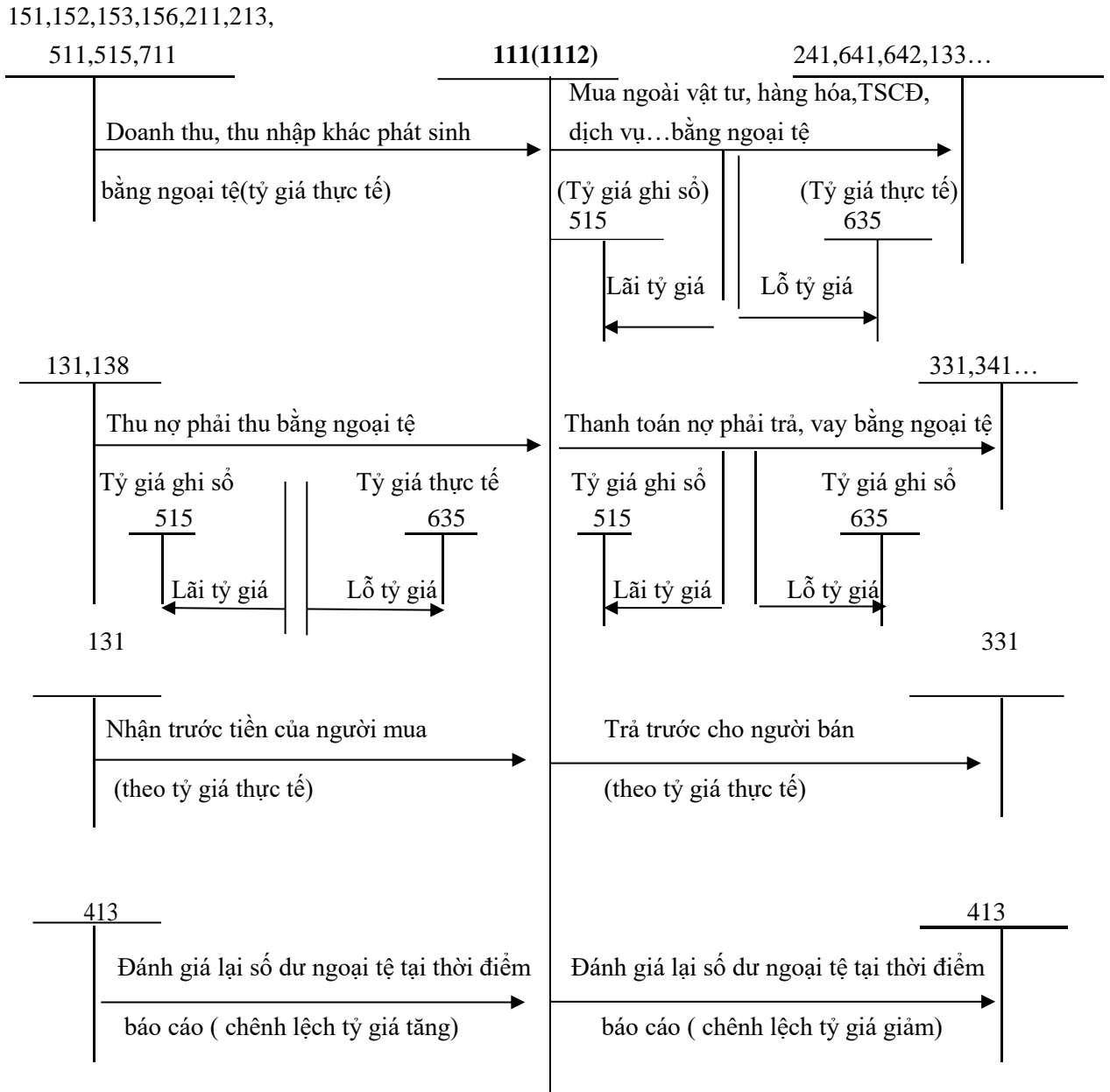
Kế toán tổng hợp thu – chi tiền mặt bằng tiền Việt Nam được thể hiện qua sơ đồ:



Sơ đồ 1.1: Kế toán tổng hợp thu – chi tiền mặt bằng Tiền Việt Nam.

b. Kế toán tổng hợp thu – chi tiền mặt bằng ngoại tệ:

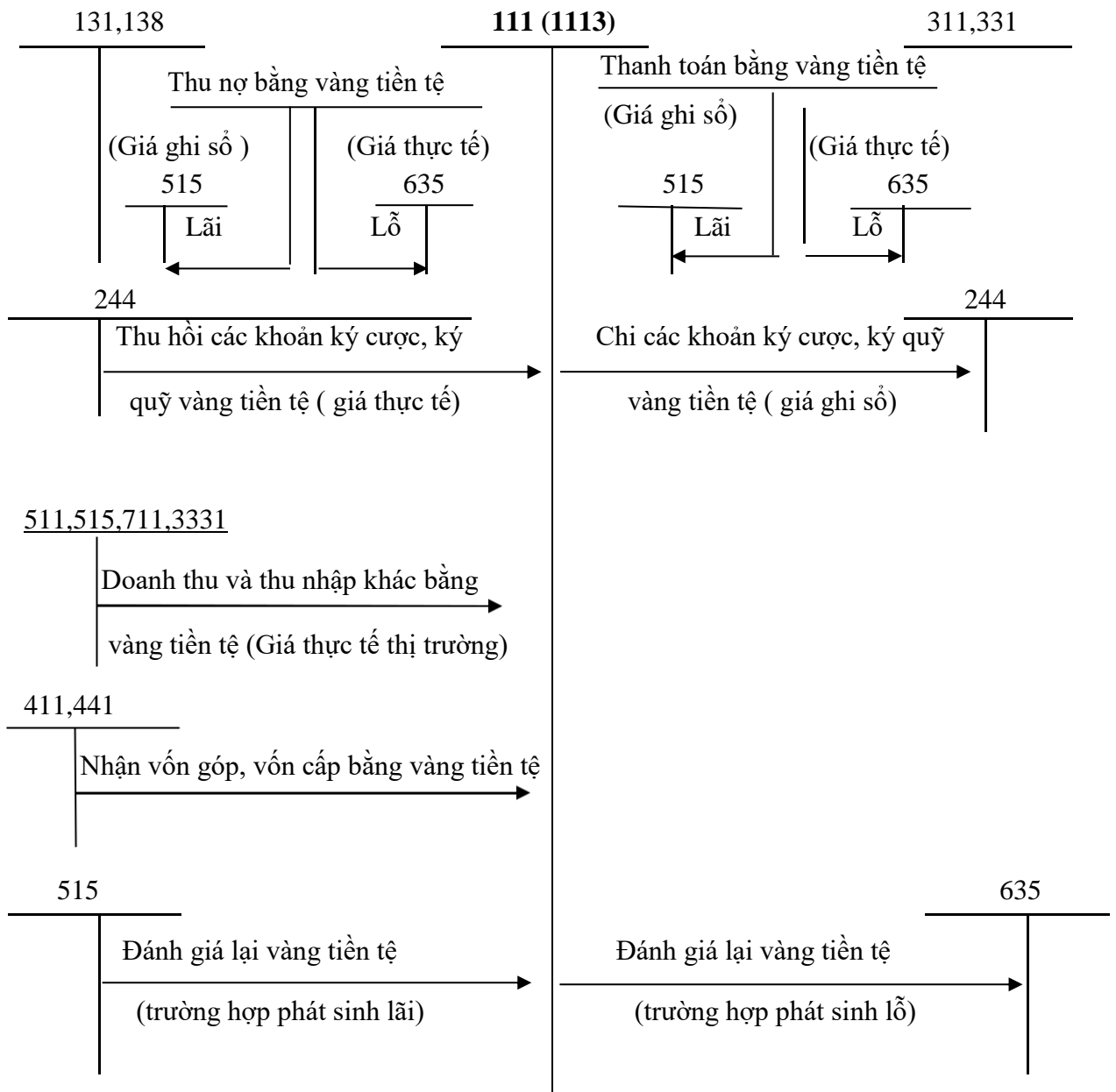
Kế toán tổng hợp thu - chi tiền mặt bằng tiền ngoại tệ được thể hiện qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 1.2: Kế toán tổng hợp thu – chi tiền mặt bằng Ngoại tệ

c. Kế toán tổng hợp thu – chi tiền mặt bằng vàng tiền tệ:

Kế toán tổng hợp thu – chi tiền mặt bằng vàng tiền tệ được thể hiện qua sơ đồ:



Sơ đồ 1.3: Kế toán tổng hợp thu – chi tiền mặt bằng vàng tiền tệ

1.2.3. Tổ chức kế toán tiền gửi ngân hàng trong doanh nghiệp:

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, các khoản thanh toán giữa doanh nghiệp với các cơ quan, tổ chức kinh tế khác được thực hiện chủ yếu qua Ngân hàng, đảm bảo cho việc thanh toán vừa an toàn, vừa thuận tiện, vừa chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật thanh toán. Theo chế độ quản lý tiền mặt và chế độ thanh toán không dùng tiền mặt, toàn bộ số tiền của doanh nghiệp trừ số được giữ lại quỹ tiền mặt (theo thỏa thuận của doanh nghiệp với Ngân hàng) đều phải gửi vào tài khoản tại Ngân hàng.

1.2.3.1. Nguyên tắc hạch toán kế toán tiền gửi ngân hàng trong doanh nghiệp (TK 112):

Tài khoản 112 dùng để phản ánh số hiện có và tình hình biến động tăng, giảm các khoản tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng của doanh nghiệp.

+ Khi nhận được chứng từ của Ngân hàng gửi đến, kế toán phải kiểm tra, đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Nếu có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của doanh nghiệp, số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của Ngân hàng thì doanh nghiệp phải thông báo cho Ngân hàng để cùng đối chiếu, xác minh và xử lý kịp thời. Cuối tháng, chưa xác định được nguyên nhân chênh lệch thì kế toán ghi sổ theo số liệu của Ngân hàng trên giấy báo Nợ, báo Có hoặc bản sao kê. Số chênh lệch (nếu có) ghi vào bên Nợ TK 138 “Phải thu khác” (1388) (nếu số liệu của kế toán lớn hơn số liệu của Ngân hàng) hoặc ghi vào bên Có TK 338 “Phải trả, phải nộp khác” (3388) (nếu số liệu của kế toán nhỏ hơn số liệu của Ngân hàng). Sang tháng sau, tiếp tục kiểm tra, đối chiếu, xác định nguyên nhân để điều chỉnh số liệu ghi sổ.

+ Ở những doanh nghiệp có các tổ chức, bộ phận phụ thuộc không tổ chức kế toán riêng, có thể mở tài khoản chuyên thu, chuyên chi hoặc mở tài khoản thanh toán phù hợp để thuận tiện cho việc giao dịch, thanh toán. Kế toán phải mở sổ chi tiết theo từng loại tiền gửi (Đồng Việt Nam, ngoại tệ các loại).

+ Phải tổ chức hạch toán chi tiết số tiền gửi theo từng tài khoản ở Ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu.

+ Khoản thấu chi ngân hàng không được ghi âm trên tài khoản tiền gửi ngân hàng mà được phản ánh tương tự như khoản vay ngân hàng.

+ Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo nguyên tắc:

- Bên Nợ TK 1122: áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế. Riêng trường hợp rút quỹ tiền mặt bằng ngoại tệ gửi vào Ngân hàng thì phải được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá ghi sổ kế toán của tài khoản 1122.

- Bên Có TK 1122: áp dụng tỷ giá ghi sổ Bình quân gia quyền.

Việc xác định tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế được thực hiện theo quy định tại phần hướng dẫn tài khoản 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái và các tài khoản có liên quan.

+ Vàng tiền tệ được phản ánh trong tài khoản này là vàng được sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị, không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hoá để bán. Việc quản lý và sử dụng vàng tiền tệ phải thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

+ Tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, doanh nghiệp phải đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại số dư tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều tài khoản ngoại tệ ở nhiều ngân hàng khác nhau và tỷ giá mua của các ngân hàng không có chênh lệch đáng kể thì có thể lựa chọn tỷ giá mua của một trong số các ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ làm căn cứ đánh giá lại.

- Vàng tiền tệ được đánh giá lại theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

1.2.3.2. Chứng từ sử dụng trong kế toán tiền gửi ngân hàng:

- Giấy báo nợ: Là thông báo của ngân hàng ghi giảm cho tài khoản tiền gửi.
- Giấy báo có: Là thông báo của ngân hàng ghi tăng cho tài khoản tiền gửi.

- Bảng sao kê của ngân hàng: Là thông báo của ngân hàng về tiền gửi hàng ngày tại ngân hàng của doanh nghiệp.
- Ủy nhiệm chi: Là phương tiện thanh toán mà người trả tiền lập lệnh thanh toán theo mẫu do Ngân hàng quy định, gửi ngân hàng nơi mình mở tài khoản yêu cầu trích một số tiền nhất định trên tài khoản của mình để trả cho người thụ hưởng.
- Ủy nhiệm chi: Là giấy ủy nhiệm đòi tiền do người thụ hưởng phát hành gửi vào ngân hàng nhờ thu hộ tiền từ người mua hàng hóa dịch vụ.

1.2.3.3. Tài khoản sử dụng trong kế toán tiền gửi ngân hàng:

- Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 112 – Tiền gửi Ngân hàng:
+ TK 112 “ Tiền gửi ngân hàng”: Phản ánh số hiện có và tình hình biến động tăng, giảm các khoản tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng của doanh nghiệp.

Số dư đầu kỳ bên nợ: Số tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng tiền tệ còn gửi lại Ngân hàng.

Phát sinh bên nợ:

- Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng tiền tệ gửi vào Ngân hàng.
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ tại thời điểm báo cáo (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam).
- Chênh lệch đánh giá lại vàng tiền tệ tăng tại thời điểm báo cáo.

Phát sinh bên có:

- Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng tiền tệ rút ra từ Ngân hàng.
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ cuối kỳ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam).
- Chênh lệch đánh giá lại vàng tiền tệ giảm tại thời điểm báo cáo.

Số dư cuối kỳ bên nợ: Số tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng tiền tệ hiện còn giữ tại Ngân hàng.

+ TK 112 bao gồm 3 loại tài khoản cấp 2:

- ✓ TK 1121 - Tiền Việt Nam: Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân hàng bằng Đồng Việt Nam.
- ✓ TK 1122 – Ngoại tệ: Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân hàng bằng ngoại tệ đã quy đổi ra Đồng Việt Nam.

- ✓ TK 1123 – Vàng tiền tệ: Phản ánh tình hình biến động và giá trị vàng tiền tệ của doanh nghiệp đang gửi tại Ngân hàng tại thời điểm báo cáo.

1.2.3.4. Kế toán chi tiết tiền gửi ngân hàng trong doanh nghiệp:

Căn cứ để hạch toán trên tài khoản 112 “tiền gửi Ngân hàng” là các giấy báo Có, báo Nợ hoặc bản sao kê của Ngân hàng kèm theo các chứng từ gốc (ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu, séc chuyên khoản, séc bảo chi,...).

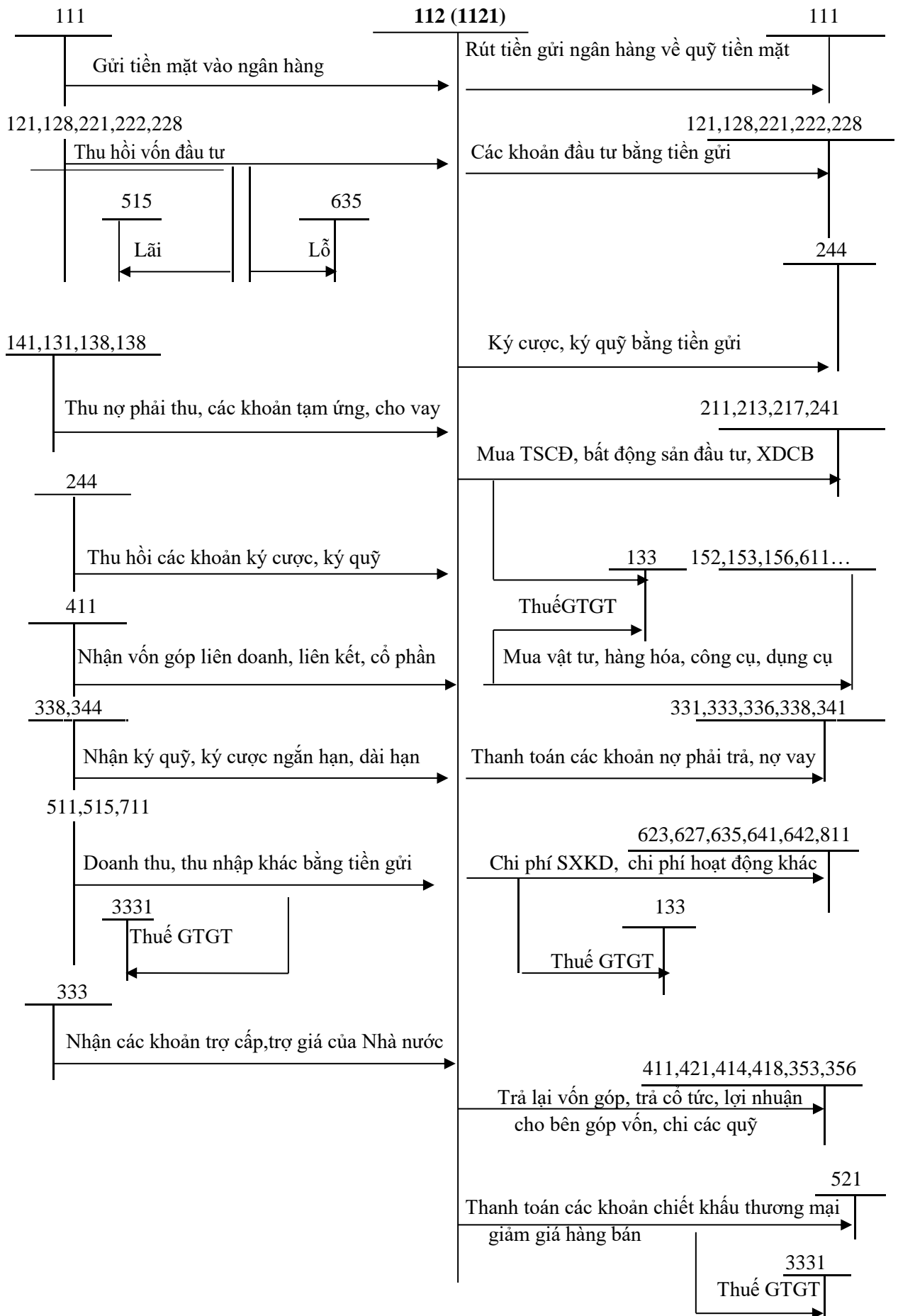
Phải tổ chức hạch toán chi tiết số tiền gửi theo từng tài khoản ở từng Ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu.

1.2.3.5. Kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng trong doanh nghiệp:

a. Kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng bằng tiền Việt Nam:

Kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng bằng tiền Việt Nam được thể hiện qua sơ đồ sau:

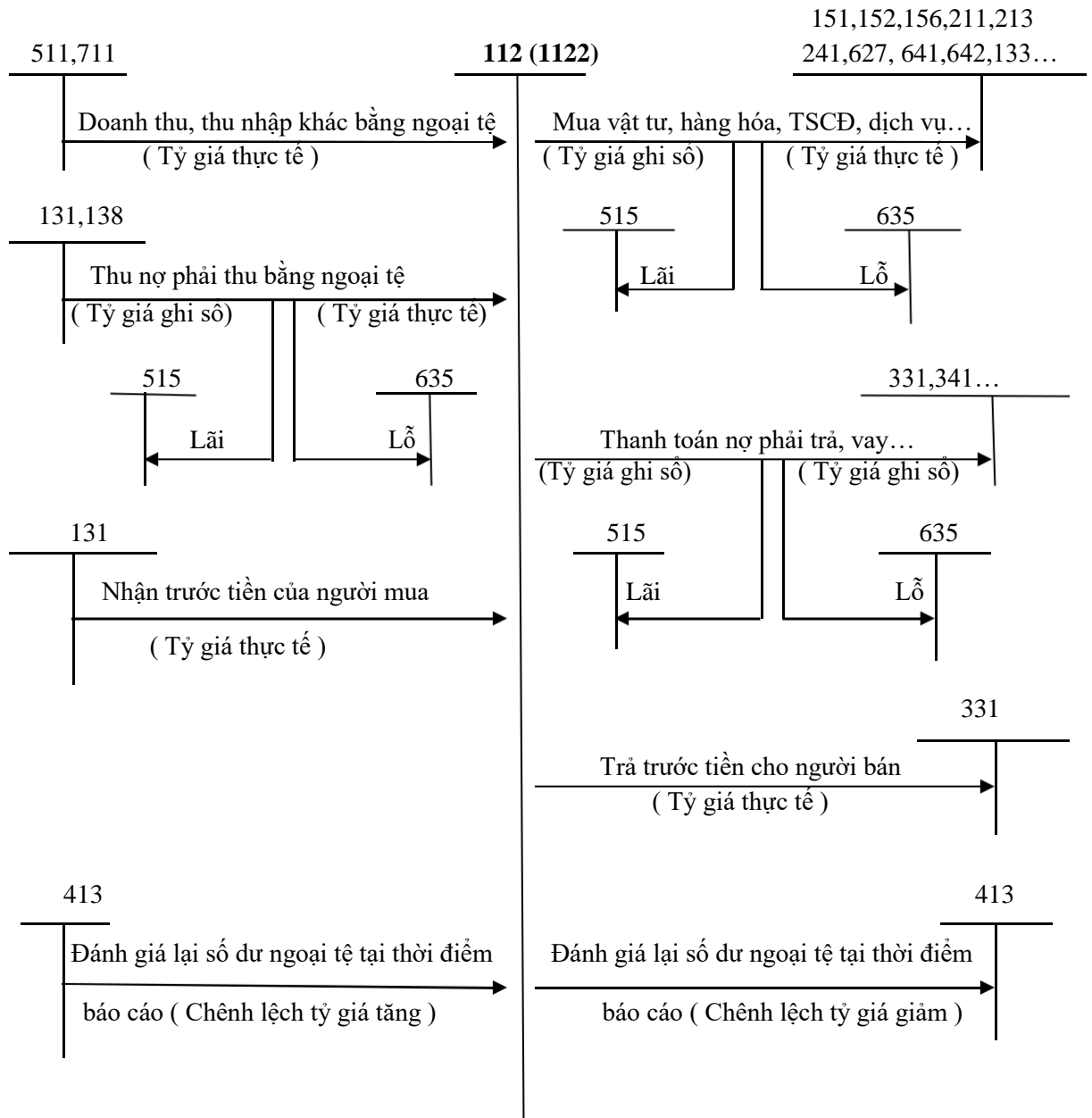
KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP



Sơ đồ 1.4: Kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng (tiền Việt Nam)

b. Kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng bằng tiền ngoại tệ:

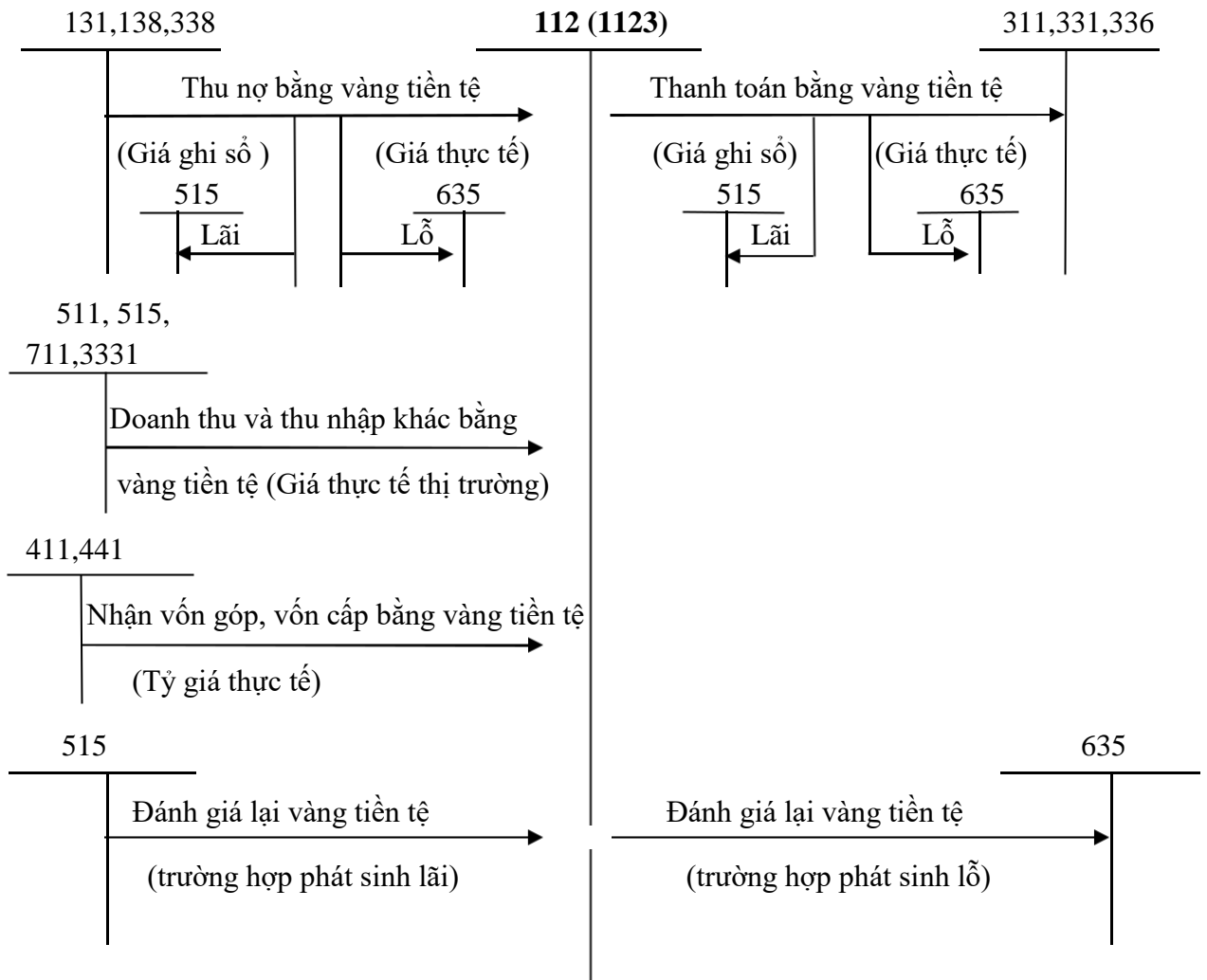
Kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng bằng tiền ngoại tệ được thể hiện qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 1.5: Kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng bằng Ngoại tệ

c. Kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng bằng vàng tiền tệ:

Kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng bằng vàng ngoại tệ được thể hiện qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 1.6: Kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng bằng vàng tiền tệ

1.2.4. Kế toán tiền đang chuyển trong doanh nghiệp:

1.2.4.1. Nguyên tắc hạch toán tiền đang chuyển trong doanh nghiệp(TK113) :

Tiền đang chuyển là các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào Ngân hàng, kho bạc Nhà nước, đã gửi qua bưu điện để chuyển qua Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có, đã trả cho đơn vị khác hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại Ngân hàng để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo Nợ hay bảng sao kê của Ngân hàng.

1.2.4.2. Chứng từ sử dụng trong kế toán tiền đang chuyển:

- Giấy nộp tiền
- Biên lai thu tiền
- Phiếu chuyển tiền
- Một số chứng từ khác liên quan

1.2.4.3. Tài khoản sử dụng trong kế toán tiền đang chuyển:

- Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 113 - “ Tiền đang chuyển”:

Số dư đầu kỳ: Khoản tiền đang còn chuyển đầu kỳ.

Phát sinh bên Nợ:

- Các khoản tiền mặt hoặc séc bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ đã nộp vào ngân hàng hoặc đã gửi bưu điện để chuyển vào ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo có.
- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.

Phát sinh bên Có:

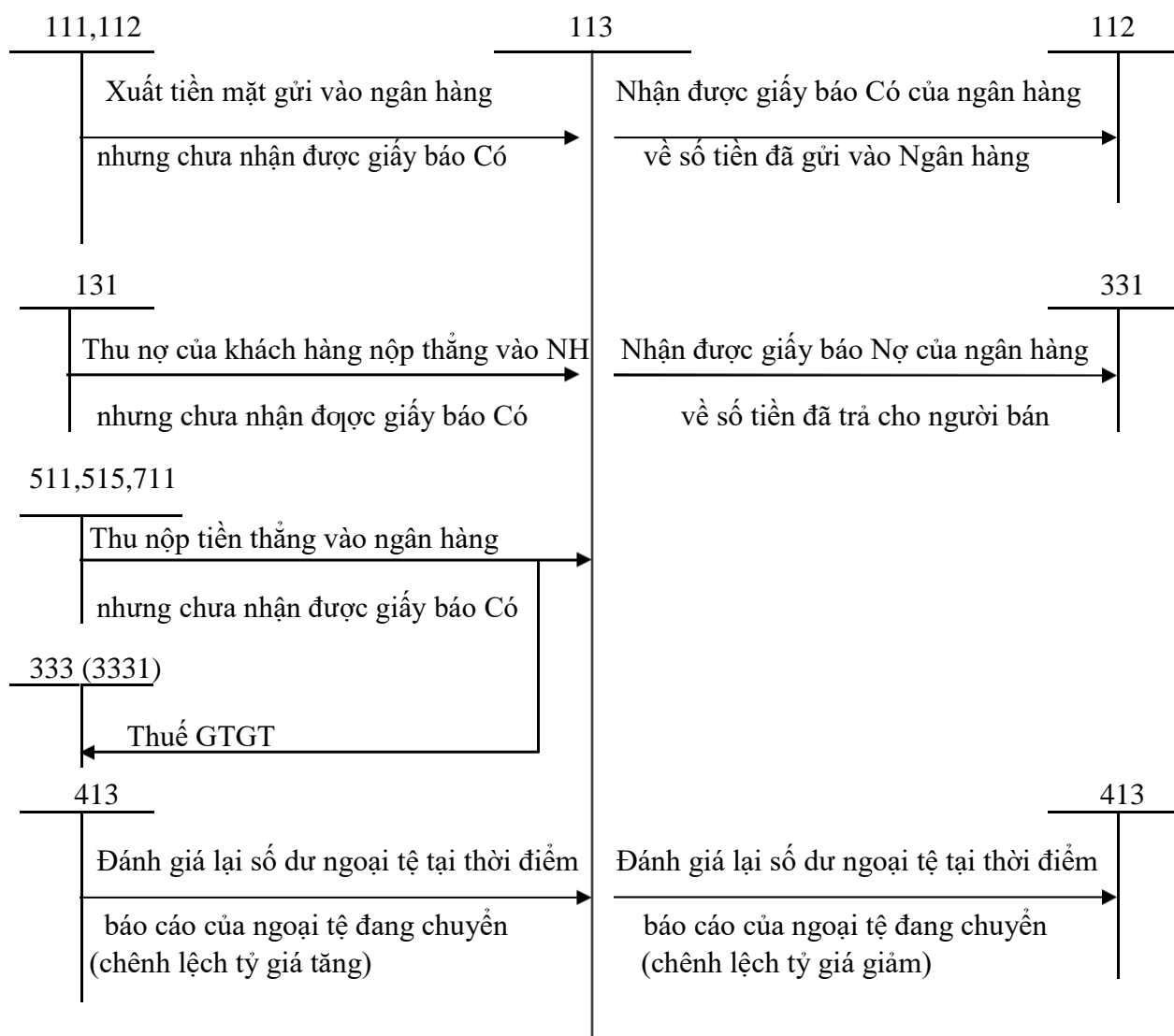
- Số tiền kết chuyển vào TK 112 - “Tiền gửi ngân hàng” hoặc tài khoản có liên quan.
- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.

Số dư cuối kỳ bên nợ: Khoản tiền đang còn chuyển cuối kỳ.

- TK 113 “ Tiền đang chuyển” bao gồm 2 loại tài khoản cấp 2:
 - + TK 1131 - “Tiền Việt Nam”: Phản ánh số tiền Việt Nam đang chuyển.
 - + TK 1132 - “ Ngoại tệ”: Phản ánh số ngoại tệ đang chuyển.

1.2.4.4. Kế toán tổng hợp tiền đang chuyển trong doanh nghiệp:

Kế toán tổng hợp tiền đang chuyển được thể hiện qua sơ đồ:



Sơ đồ 1.7: Kế toán tổng hợp thu – chi tiền đang chuyển.

1.3. Hình thức ghi sổ kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp:

Theo quy định hiện hành của doanh nghiệp được tự xây dựng biểu mẫu sổ kế toán cho riêng mình nhưng phải đảm bảo cung cấp thông tin về giao dịch kinh tế một cách minh bạch, đầy đủ, dễ kiểm tra, dễ kiểm soát và dễ đối chiếu. Trường hợp không tự xây dựng biểu mẫu sổ kế toán, doanh nghiệp có thể áp dụng biểu mẫu sổ kế toán theo TT 200/2014/TT/BTC của Bộ tài chính.

Theo quy định doanh nghiệp có thể áp dụng một trong 5 hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật Ký Chung

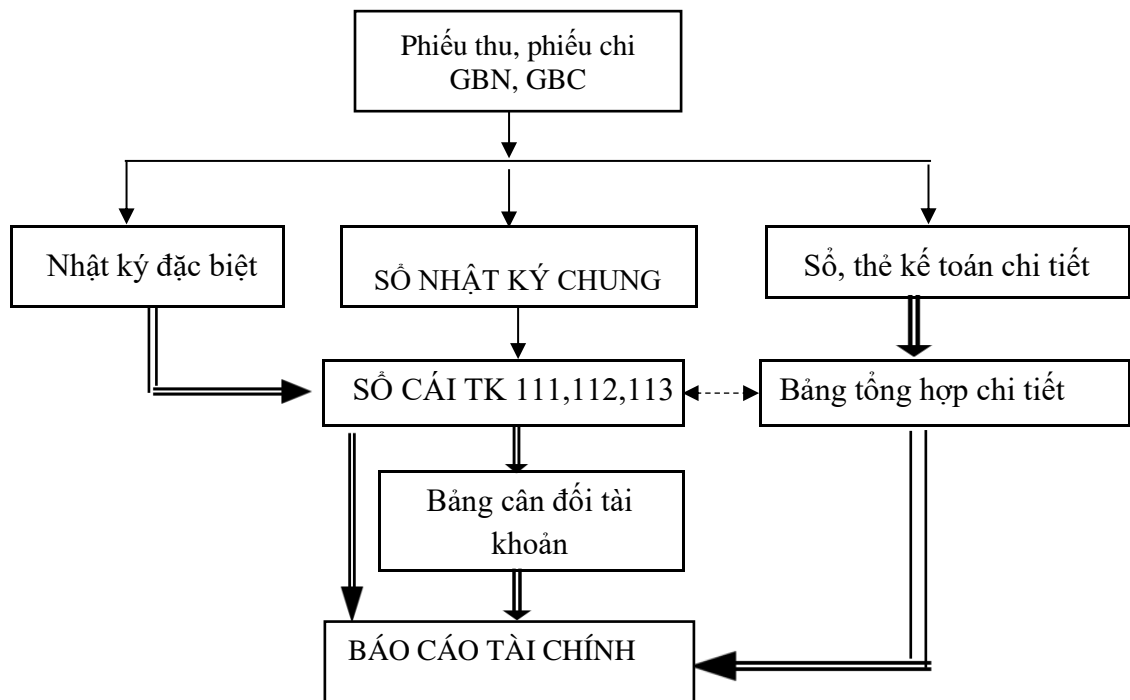
- Hình thức kế toán ghi sổ
- Hình thức Nhật Ký - Chứng Từ
- Hình thức Nhật Ký - Sổ Cái
- Hình thức kế toán trên máy vi tính

Trong mỗi hình thức sổ kế toán có những quy định cụ thể về số lượng, kết cấu, mẫu số, trình tự, phương pháp ghi chép và mối quan hệ giữa các sổ kế toán.

1.3.1. Hình thức nhật ký chung:

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Dưới đây là hình thức ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Nhật Ký Chung:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ==>
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra <-.->

Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức nhật ký chung.

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ quỹ tiền mặt và sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào sổ quỹ tiền mặt và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

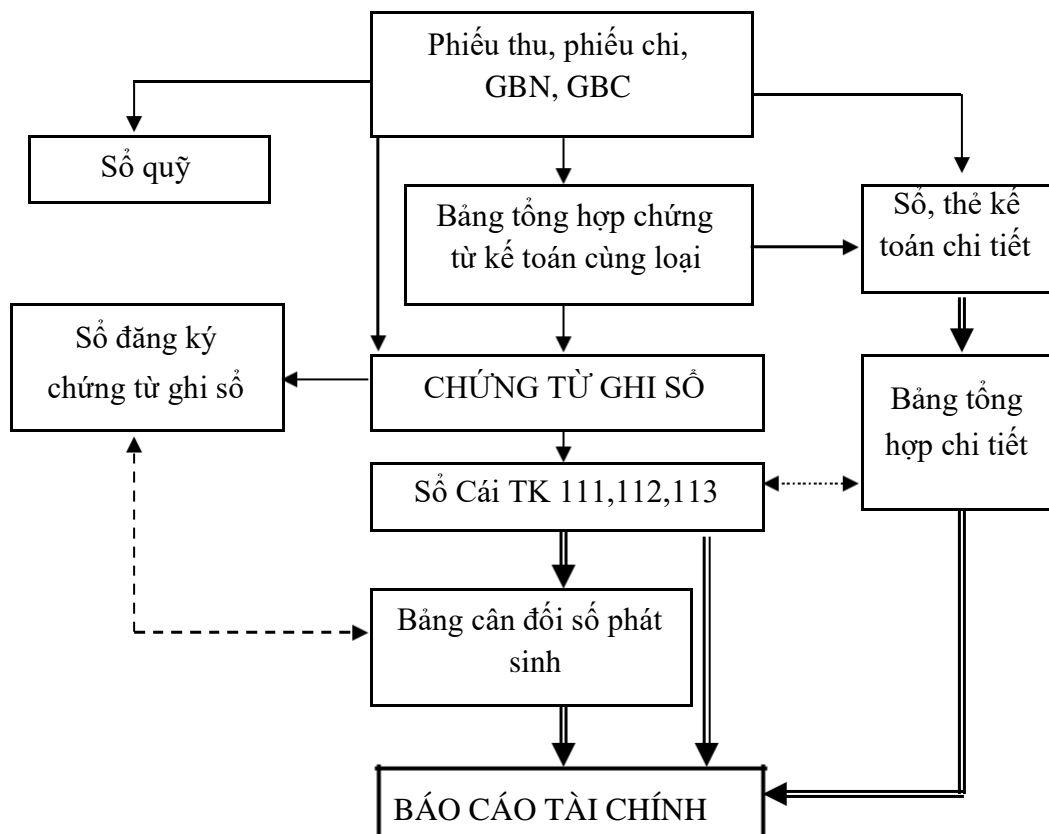
Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp, đúng số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo Cáo Tài Chính).

1.3.2 Hình thức chứng từ ghi sổ:

Chứng từ ghi sổ được lập dựa trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo thứ tự trong sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Dưới đây là hình thức ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức chứng từ ghi sổ:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày	→
Ghi cuối tháng	⇒
Đối chiếu, kiểm tra	↔

Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Chứng từ ghi sổ.

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào chứng từ ghi sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào sổ cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan. Từ sổ, thẻ kế toán chi tiết được ghi vào bảng tổng hợp chi tiết.

Cuối tháng, phải khóa sổ tính ra tổng tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, căn cứ vào sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập báo cáo tài chính.

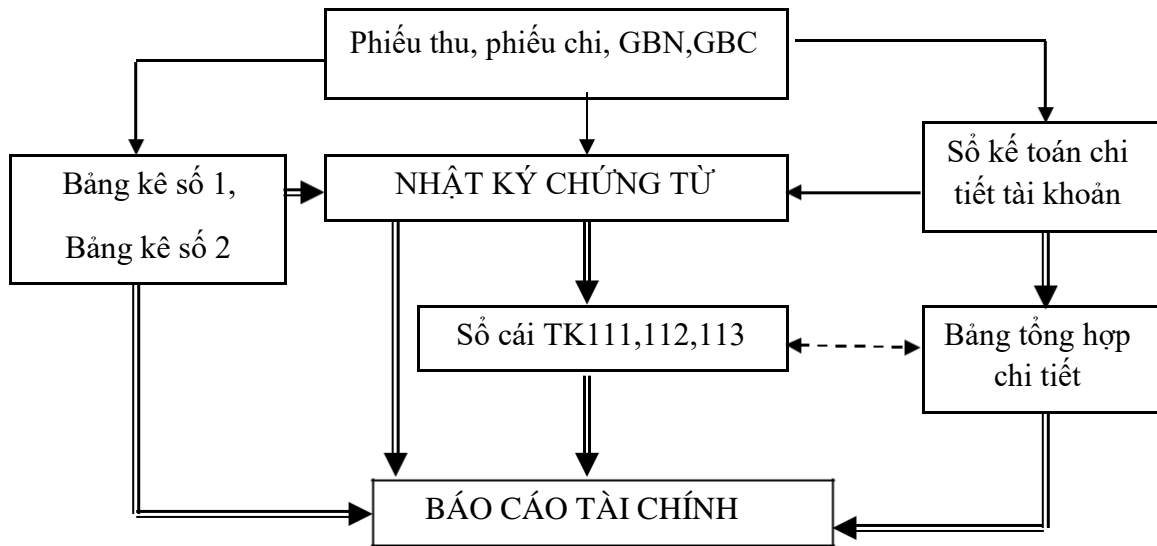
1.3.3. Hình thức Nhật ký- Chứng từ:

Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản). Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

Dưới đây là hình thức ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Nhật Ký - Chứng Từ:

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày \longrightarrow
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ \Longrightarrow
- Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Nhật kí - Chứng từ.

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các Nhật ký - Chứng từ hoặc Bảng kê, sổ chi tiết có liên quan. Đối với các Nhật ký - Chứng từ được ghi căn cứ vào các Bảng kê, sổ chi tiết thì căn cứ vào số liệu tổng cộng của bảng kê, sổ chi tiết, cuối tháng chuyển số liệu vào Nhật ký - Chứng từ.

Cuối tháng khoá sổ, cộng số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ, kiểm tra, đối chiếu số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ với các sổ, thẻ kế toán chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết có liên quan và lấy số liệu tổng cộng của các Nhật ký - Chứng từ ghi trực tiếp vào Sổ cái.

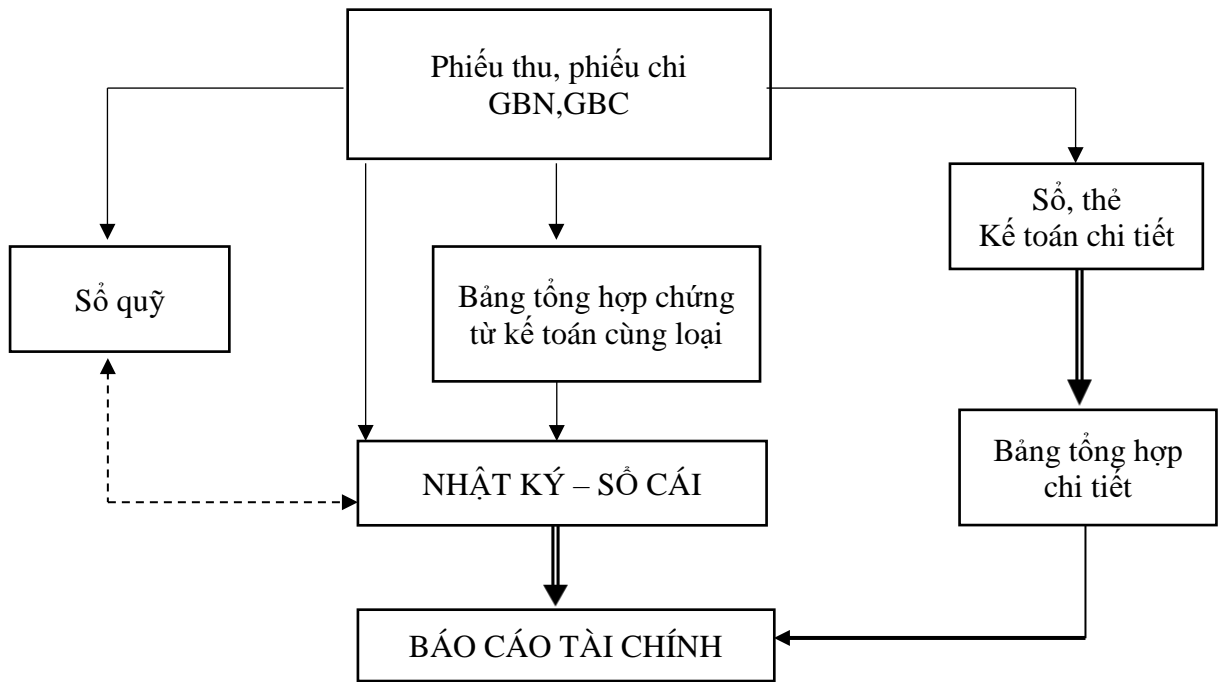
Đối với các chứng từ có liên quan đến các sổ, thẻ kế toán chi tiết thì được ghi trực tiếp vào các sổ, thẻ có liên quan. Cuối tháng, cộng các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết và căn cứ vào sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết để lập các Bảng tổng hợp chi tiết theo từng tài khoản để đối chiếu với Sổ cái.

Số liệu tổng cộng ở Sổ Cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong Nhật ký - Chứng từ, Bảng kê và các Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

1.3.4 Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái:

Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp suy nhất là sổ Nhật Ký - Sổ Cái. Căn cứ, căn cứ để ghi vào sổ Nhật Ký - Sổ Cái là chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Dưới đây, là hình thức ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Nhật Ký- Sổ Cái:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒
- Đối chiếu, kiểm tra ↔

Sơ đồ 1.11 : Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Nhật ký – Sổ cái

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào sổ Nhật Ký - Sổ Cái.

Chứng từ kế toán và bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi sổ Nhật Ký - Sổ Cái được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

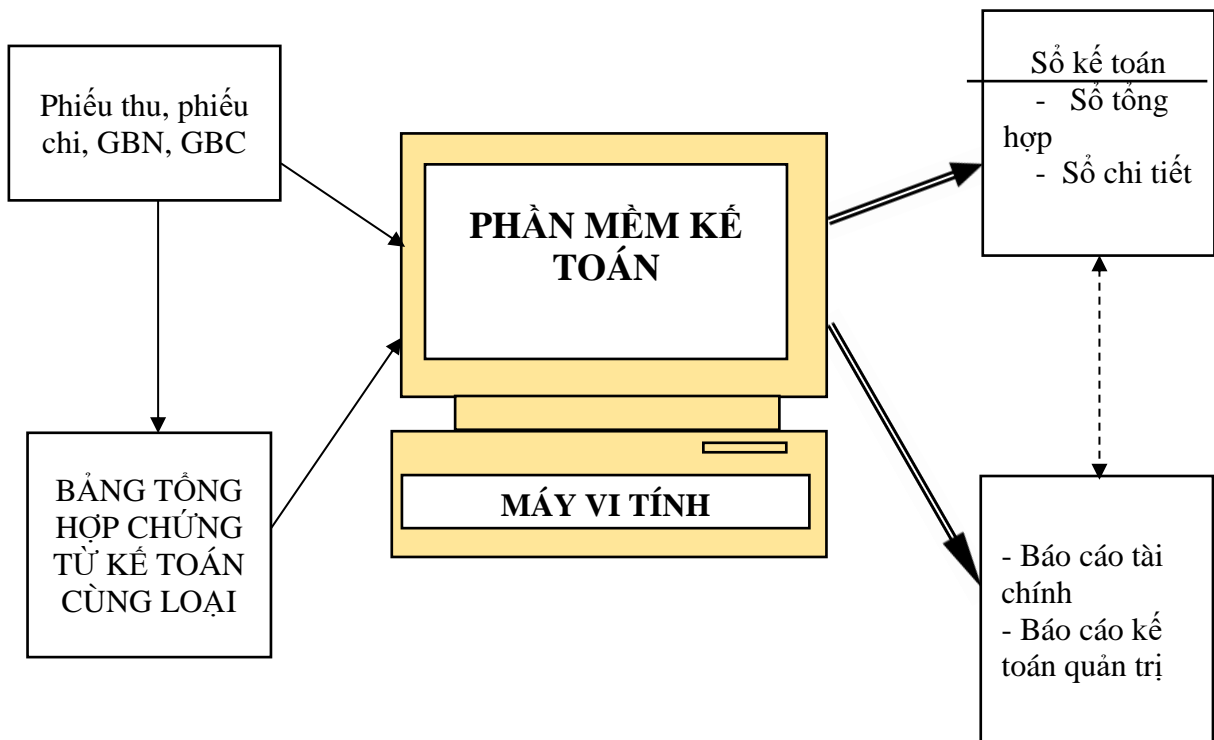
Cuối tháng, sau khi đã phản ánh toàn bộ những chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào sổ Nhật Ký - Sổ Cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần Nhật Ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần sổ cái để ghi vào dòng cột phát sinh cuối tháng.

Số liệu trên Nhật Ký - Sổ cái và trên bảng tổng hợp chi tiết sau khi khóa sổ được kiểm tra, đối chiếu nếu khớp, đúng sẽ được sử dụng để lập báo cáo tài chính.

1.3.5. Hình thức kế toán trên máy tính:

Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Dưới đây là hình thức ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức kế toán trên máy tính:



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày —————>
- In sổ, báo cáo ══════════>
- Đối chiếu, kiểm tra ⋯⋯⋯<—

Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Kế toán máy

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản để nhập dữ liệu vào máy tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kế toán các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (sổ cái hoặc nhật ký - sổ cái..) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo tính chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

CHƯƠNG 2:

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐA ĐỘ.

2.1. Lịch sử hình thành và phát triển Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ:

2.1.1. Lịch sử hình thành Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ:

- Tên gọi đầy đủ: Công ty trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên Khai Thác Công Trình Thủy Lợi Đa Độ

- Tên viết tắt: ĐA ĐỘ T-T CO.,LTD

- Địa chỉ: Km 57 Quốc lộ 10, Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

- Trụ sở làm việc : Số 385 Trường Sơn – An Lão – Hải Phòng

- Điện thoại: 0225.3679522

- Mã số thuế: 0200109974

- Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

- Loại hình doanh nghiệp : Công ty TNHH MTV

- Quản lý bởi : chi cục thuế Thành Phố hải Phòng

Khi mới thành lập công ty hoạt động thuần túy trên lĩnh vực thủy lợi và xây dựng, trong quá trình hoạt động với định hướng: mở rộng, đa dạng hóa các loại hình kinh doanh tạo thế ổn định, phát triển cả chiều rộng lẫn chiều sâu. Công ty đã liên tục bổ sung thêm nhiều ngành nghề.

Với đội ngũ cán bộ của công ty có trình độ chuyên môn năng lực cao, có nhiều kinh nghiệm trong các hoạt động các ngành, các lĩnh vực khác nhau đã tự khẳng định mình qua nhiều năm hoạt động

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty:

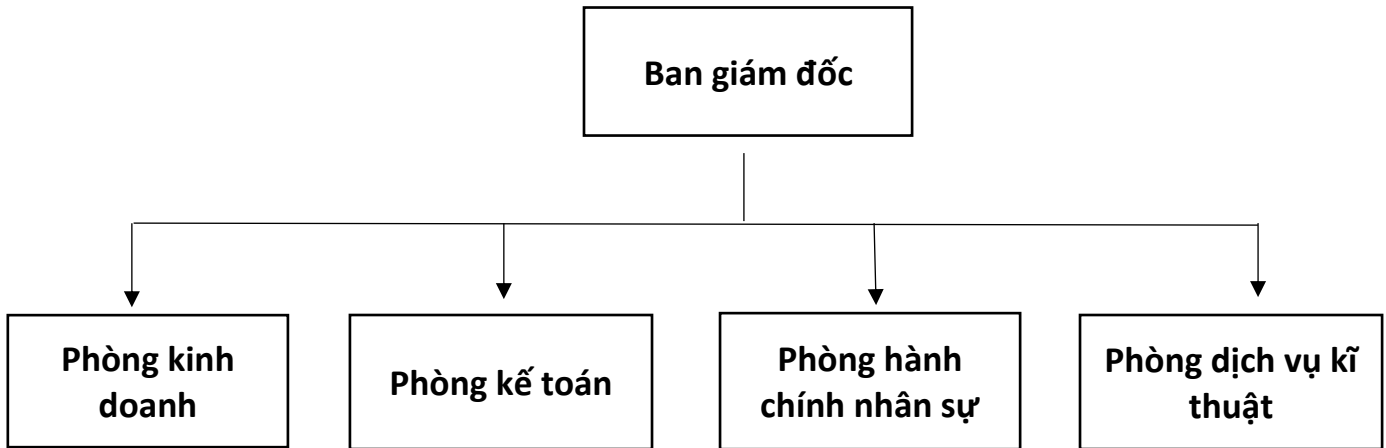
Hiện nay, Công ty đang SXKD trên các lĩnh vực chủ yếu sau đây:

- Bán và sửa chữa, bảo dưỡng phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ
- Thi công, thiết kế xây dựng công trình thủy lợi

- Tư vấn thiết kế xây dựng dân dụng
- Kinh doanh vật liệu xây dựng và thiết bị vệ sinh

2.1.3. Đặc điểm mô hình tổ chức bộ máy quản lý của công ty:

Là một đơn vị hạch toán kế toán độc lập, có tư cách pháp nhân, hoạt động quản lý và điều hành Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ được tổ chức theo quy mô sau:



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ về tổ chức bộ máy của Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ

Chức năng của từng bộ phận:

• **Ban giám đốc:**

+ Giám đốc: Là người đứng đầu có quyền lực cao nhất và là người chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của công ty. Giám đốc là người ra quyết định đối với cấp dưới, thực hiện việc phân cấp, phân quyền với cấp dưới và tổ chức thực hiện phương án kinh doanh, tiến hành kiểm tra giám sát, kiểm soát kết quả hoạt động của công ty để đảm bảo sự tồn tại và phát triển của công ty.

+ Phó giám đốc: Là người chịu trách nhiệm cùng giám đốc quản lý công ty và là người chịu trách nhiệm thu thập thông tin, nghiên cứu thị trường, nắm bắt các nguồn hàng, rồi từ đó tham mưu cho giám đốc xây dựng các phương án kinh doanh, và thay giám đốc tham gia ký kết các hợp đồng mua bán để đảm bảo cho việc kinh doanh của công ty đạt hiệu quả ngày càng cao.

• **Phòng kinh doanh:**

Chức năng: Phòng kinh doanh có chức năng tham mưu cho ban giám đốc xây dựng phương án và kế hoạch kinh doanh, thực hiện các chiến lược kinh doanh đã được giám đốc phê duyệt và quyết định. Tổng hợp chính xác kịp thời các hoạt động kinh doanh để xây dựng kế hoạch tiếp theo và lập báo cáo định kỳ. Thay mặt công ty quan hệ với các đối tác trong và ngoài nước để tạo lợi nhuận cao cho công ty. Đây là phòng có chức năng quan trọng trong việc tạo ra doanh thu, lợi nhuận cũng như quyết định sự tồn tại và phát triển của công ty.

Nhiệm vụ:

+ Tổng hợp, hoàn thiện kế hoạch trong năm của công ty để giao cho các bộ phận lập báo cáo định kỳ để phản ánh tình hình kết quả kinh doanh của công ty.

+ Kết hợp với phòng kế toán để công tác tiêu thụ hàng hoá không bị tắc nghẽn do thiếu hàng.

+ Phân tích các khả năng tiêu thụ vật tư, hàng hoá hiện tại, nếu mặt hàng nào tiêu thụ chậm cần phải tìm hiểu để đưa ra các phương án tiêu thụ tốt hơn, đồng thời đưa ra các chiến lược kinh doanh phù hợp, tìm những khách hàng mới, thị trường mới tiềm năng, tạo điều kiện thúc đẩy hoạt động kinh doanh của công ty.

• **Phòng kế toán:**

Chức năng:

+ Quản lý kinh tế tài chính và thực hiện các hoạt động thanh toán, hạch toán tài chính doanh nghiệp.

+ Giúp quản lý về lĩnh vực tài chính, theo dõi tình hình lợi nhuận của công ty và thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước.

+ Tham mưu cho giám đốc công ty để xây dựng kế hoạch phát triển trung và dài hạn, và các đề án sản xuất kinh doanh, huy động vốn, quản lý tài chính và tổ chức hạch toán kinh tế trong công ty.

Nhiệm vụ:

+ Thu thập xử lý thông tin, số liệu kế toán theo đối tượng và nội dung công việc kế toán, theo chuẩn mực và chế độ kế toán.

+ Kiểm tra giám sát các khoản thu chi tài chính, đồng thời có nghĩa vụ thu nộp, thanh toán các khoản nợ, kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản và nguồn

hình thành tài sản, phát hiện và ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính kế toán.

+ Cung cấp thông tin số liệu kế toán theo quy định của pháp luật.

+ Lập và phân tích các báo cáo tài chính, báo cáo kết quả kinh doanh.

+ Thực hiện công tác quản lý tài chính của công ty, tổ chức mô hình hạch toán và thực hiện toàn bộ công tác thống kê, thông tin kinh tế và hạch toán của doanh nghiệp. Tham mưu và tham gia điều hành hoạt động sử dụng vốn trong sản xuất kinh doanh theo phương án nhằm bảo tồn và phát triển vốn. Tổ chức thực hiện công tác kế toán của doanh nghiệp theo lệnh kế toán thống kê của Nhà nước.

+ Thực hiện nhiệm vụ và nghĩa vụ tài chính của doanh nghiệp đối với Nhà nước, cấp trên và các cơ quan có liên quan theo quy định. Thực hiện chế độ báo cáo tài chính của doanh nghiệp, đề xuất các biện pháp nhằm thúc đẩy và tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh. Xây dựng quy trình và kiểm tra thực hiện việc luân chuyển chứng từ trong doanh nghiệp.

+ Tổ chức việc lưu trữ chứng từ theo quy định của Bộ tài chính. Thu thập và xử lý thông tin về tình hình thực hiện kế hoạch trong doanh nghiệp. Kiểm tra giám sát chặt chẽ thực hiện hợp đồng kinh tế, nghiên cứu đề xuất với giám đốc công ty về tổ chức thực hiện các hình thức liên kết giữa doanh nghiệp với tổ chức khác.

- **Phòng hành chính nhân sự:**

Là bộ phận chịu trách nhiệm về tình hình nhân sự của công ty, quản lý chung bảng lương cho các cấp quản trị và nhân viên, trợ giúp lãnh đạo trong việc đánh giá nhân sự, quan hệ lao động, phân công nhân sự... Có trách nhiệm quản lý lao động, tổ chức đời sống cho cán bộ công nhân viên, tổ chức các hoạt động y tế, thực hiện các hoạt động về quản lý hành chính cho doanh nghiệp.

- **Phòng dịch vụ kỹ thuật:**

Chức năng: Là bộ phận giữ vai trò xây dựng và duy trì các cấu trúc, máy móc, thiết bị, hệ thống và chương trình hoạt động của máy móc, thiết bị trong doanh nghiệp. Trực tiếp điều hành những việc liên quan đến kỹ thuật, công nghệ, máy móc của doanh nghiệp nhằm đảm bảo các hoạt động diễn ra thuận lợi và hiệu quả. Đồng thời, nhanh chóng sửa chữa, khắc phục lỗi, tiến hành bảo dưỡng theo

quy định đảm bảo hệ thống máy móc, thiết bị làm việc bình thường không gây gián đoạn làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Đồng thời đảm bảo an toàn lao động, chất lượng cũng như khối lượng và hiệu quả hoạt động của toàn công ty

Nhiệm vụ:

+ Quản lý, điều hành và kiểm tra những việc liên quan đến kỹ thuật, công nghệ. Chịu trách nhiệm sử dụng, sửa chữa, bảo trì, mua sắm bổ sung các trang thiết bị, máy móc cho hoạt động kinh doanh.

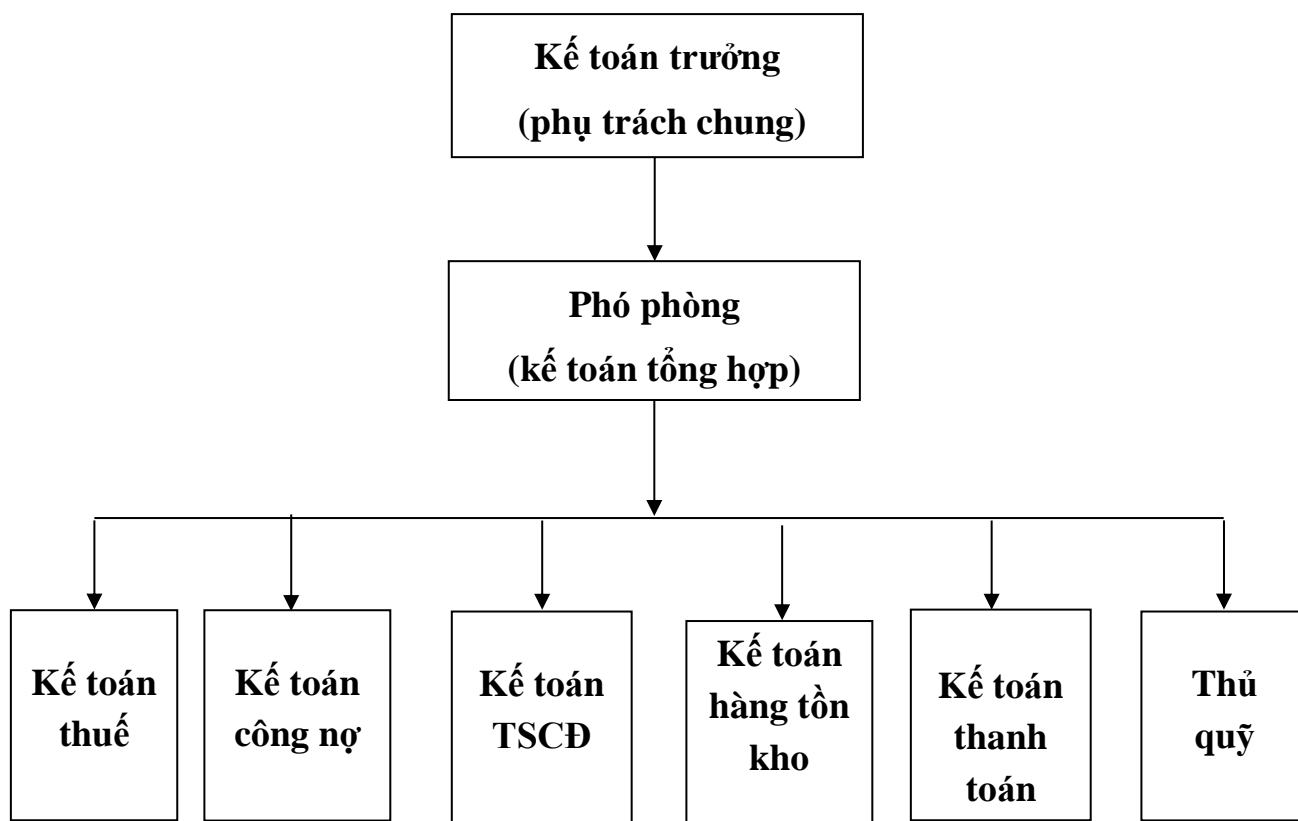
+ Quản lý, giám sát kỹ thuật các dự án xây dựng mới, chịu trách nhiệm thẩm định các hồ sơ thiết kế kỹ thuật xây dựng công trình thủy lợi

+ Bảo dưỡng, bảo trì phù hợp với từng loại máy móc, thiết bị, kịp thời sửa chữa nhằm đảm bảo tính an toàn và liên tục trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Nghiên cứu, xây dựng kế hoạch nâng cấp, đổi mới các thiết bị kỹ thuật lạc hậu bằng các thiết bị ý thuật công nghệ tiên tiến nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của công ty.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ:

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán của công ty:

Bộ máy kế toán trong công ty được thể hiện theo sơ đồ dưới đây:



Sơ đồ. 2.2 : Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ

Chức năng nhiệm vụ:

***Kế toán trưởng:**

- Là người được bổ nhiệm đứng đầu bộ phận kế của doanh nghiệp.
- Thực hiện những công việc liên quan trực tiếp đến nghiệp vụ chuyên môn kế toán theo đúng với quy định của pháp luật.
- Phân tích và đánh giá tài chính các dự án, công trình trước khi trình ban lãnh đạo công ty.
- Đảm bảo nguồn vốn đối với các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tham mưu cho Ban giám đốc, Tổng giám đốc về công tác quản lý và sử dụng nguồn vốn của công ty, về chế độ kế toán cũng như những thay đổi của chế độ qua từng thời kỳ trong các hoạt động kinh doanh.
- Nắm được sự vận động của nguồn vốn kinh doanh dưới các hình thức để tham mưu cho ban lãnh đạo các vấn đề liên quan.

- Xây dựng hệ thống mạng lưới các thông tin về quản lý một cách hữu hiệu, thiết lập hệ thống Quản lý chất lượng, quản lý sản xuất cùng các hệ thống quản lý khác.

*** Phó phòng Kế toán:**

- Là người có quyền lực đứng thứ hai trong phòng kế toán, là người thực hiện các nhiệm vụ do Trưởng phòng kế toán phân công và báo cáo kết quả công việc cho Trưởng phòng kế toán:

- Phụ trách công tác hoạch toán kế toán, công tác báo cáo quyết toán tháng, quý, năm, theo quy định của Công ty.

- Giải quyết các công việc khi Kế toán trưởng đi vắng.

- Cuối tháng, cuối quý đôn đốc các bộ phận trong Công ty tập hợp số liệu, khóa sổ để lập báo cáo kế toán.

- Theo dõi các hợp đồng kinh doanh vận tải, mở sổ theo dõi chi tiết công nợ phải thu, phải trả khách hàng và các công nợ khác.

- Báo cáo Kế toán trưởng kịp thời về xử lý số liệu kế toán hàng tháng trước khi khóa sổ kế toán và lập Báo cáo Tài chính.

*** Kế toán thuế:** là kế toán phụ trách về các vấn đề về khai báo thuế trong doanh nghiệp.

- Hàng tháng kê khai thuế GTGT đối với các cục thuế và nộp trước ngày 20 tháng sau, quyết toán thuế GTGT với các cục thuế theo quy định hiện hành.

- Quyết toán, theo dõi lượng hóa đơn sử dụng hàng tháng, hàng năm với cục thuế theo quy định của Nhà nước.

- Quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân theo quý và năm.

- Theo dõi danh sách góp vốn đầu tư vào các dự án của công ty.

- Đôn đốc các đơn vị kê khai và thực hiện các khoản nộp thuế với Ngân sách Nhà nước. Chịu trách nhiệm trước kế toán trưởng về số liệu và báo cáo.

*** Kế toán công nợ:** là vị trí kế toán đảm nhận các công việc kế toán về các khoản nợ mà doanh nghiệp phải thu, phải trả:

- Kế toán công nợ phải thu, phải trả khách hàng, công nợ tạm ứng, công nợ phải thu, phải trả khác.

- Hàng tháng thông báo cho các khách hàng, chủ công trình và các tổ chức cá nhân khác đối chiếu công nợ theo định kỳ vào ngày 15, 30 hàng tháng.

- Mở sổ theo dõi chi tiết công nợ phải thu, phải trả để chốt số liệu báo cáo tài chính hàng tháng, quý, năm.

- Căn cứ vào hóa đơn chứng từ, hợp đồng, hóa đơn tài chính, biên bản đối chiếu công nợ làm thủ tục đề nghị công ty chuyển tiền trả cho các đơn vị bán hàng.

- Lập báo cáo công nợ phải thu, phải trả toàn công ty và các công nợ cá nhân vào thứ sáu hàng tuần và ngày 30 hàng tháng. Định kỳ cuối tháng xác định mức độ hoàn thành kế hoạch cho các đơn vị để từ đó có cơ sở tính lương cho các đơn vị.

*** Kế toán TSCĐ:**

- Kế toán TSCĐ, tăng giảm TSCĐ.....

- Kết hợp cùng phòng KT-KT, cơ giới, đội xe lên kế hoạch sửa chữa lớn, sửa chữa nhỏ, quyết toán chi phí sửa chữa.

- Lập và hướng dẫn hạch toán tăng, giảm TSCĐ đối với các đơn vị trực thuộc.

- Lập hồ sơ tăng, giảm TSCĐ hồ sơ TSCĐ....

- Tổng hợp, kiểm kê TSCĐ toàn công ty định kỳ 6 tháng, 1 năm.

- Chịu trách nhiệm trước kế toán trưởng về số liệu và tiến độ báo cáo.

*** Kế toán hàng tồn kho:**

- Theo dõi việc nhập xuất tồn kho theo đúng từng loại NVL, CCDC, thành phẩm, hàng hóa một cách chính xác thông qua các chứng từ phiếu nhập kho và phiếu xuất kho để theo dõi trong sổ chi tiết của hàng tồn kho.

- Tổ chức hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

- Tổ chức kiểm kê định kỳ (tháng, quý, năm)

- Hướng dẫn thủ kho mở thẻ kho để theo dõi hàng tồn kho theo từng mã hàng cũng như việc ghi nhận nhập xuất hàng tồn kho trên thẻ kho theo từng mã ngành.

*** Kế toán thanh toán:**

- Chịu trách nhiệm về phân hành kế toán với ngân hàng, nội bộ Công ty hoặc với các đơn vị khác, theo dõi các khoản tiền gửi, tiền vay của Công ty tại ngân hàng, đồng thời quản lý, lưu trữ, tập hợp các chứng từ liên quan tới việc thanh toán chủ yếu với ngân hàng như uỷ nhiệm chi, uỷ nhiệm thu... để ghi sổ chi tiết tiền gửi, tiền vay.

- Tiền gửi ngân hàng được đối chiếu với ngân hàng ký xác nhận số dư. Mở sổ theo dõi các khoản phải trả, phải thu đến từng đơn vị, cá nhân. Cuối tháng, kế toán doanh nghiệp đối chiếu cụ thể và có biên bản xác nhận công nợ và các khoản phải thu. Kế toán các nguồn vốn kinh doanh được mở sổ theo dõi tăng giảm từng nguồn vốn.

- Cuối mỗi tháng căn cứ vào các hoạt động kinh tế phát sinh, từng kế toán viên phải kiểm tra xem xét các chứng từ gốc, đã thực hiện được, sắp xếp tổng hợp lại vào bảng kê chi tiết đã tập hợp được vào chứng từ ghi sổ, vào các sổ chi tiết phù hợp, đối chiếu kiểm tra và gửi các chứng từ ghi sổ kèm theo các hoá đơn chứng từ hạch toán cho kế toán tổng hợp, kế toán tổng hợp khi nhận được chứng từ ghi sổ và các chứng từ gốc, bảng kê kèm theo kiểm tra cụ thể các công tác hạch toán của kế toán chi tiết. Căn cứ vào chứng từ ghi sổ, đánh số chứng từ ghi đã đăng ký chứng từ ghi sổ. Sau đó căn cứ vào chứng từ ghi sổ đã được đăng ký, kế toán tổng hợp vào sổ cái các TK có liên quan. Cuối tháng khoá sổ cộng phát sinh bên nợ, bên có từng tài khoản. Lập bảng cân đối số phát sinh trong tháng cuối mỗi quý, 6 tháng, 9 tháng, 1 năm. Lập báo cáo tài chính.

- Kế toán mở đầy đủ các sổ sách chi tiết, tổng hợp cập nhật hàng ngày theo dõi biến động của tiền mặt, tiền gửi, cụ thể, kịp thời.

*** Mối quan hệ giữa các bộ phận:**

Trong bộ phận kế toán của công ty, tổ chức công tác hạch toán kế toán chi tiết đến tổng hợp tương đối khép kín. Công việc giao đến từng người có kiểm tra đôn đốc của kế toán trưởng, trong các bộ phận luôn có sự giúp đỡ nhau trong công việc.

2.1.4.2. Hình thức ghi sổ và các chính sách kế toán áp dụng tại công ty:

- **Chế độ kế toán đang áp dụng:** Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

- **Niên độ kế toán:** Công ty thực hiện niên độ kế toán theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

- **Đơn vị tiền tệ sử dụng:** đơn vị tiền tệ kế toán của công ty là Đồng Việt Nam (VND). Đơn vị tính: Đồng.

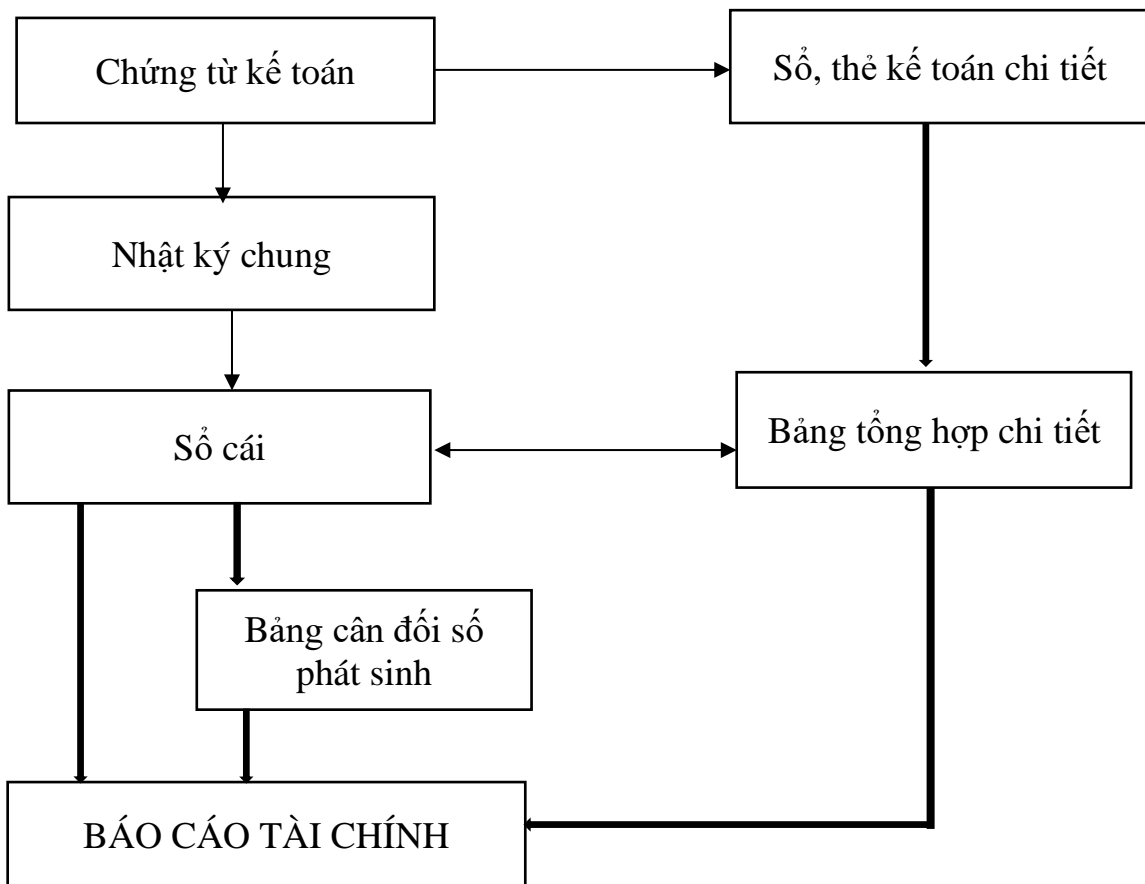
- **Phương pháp tính thuế GTGT:** được tính theo phương pháp khấu trừ.

- **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

- **Phương pháp tính giá xuất kho:** phương pháp nhập trước, xuất trước.

- **Phương pháp khấu hao tài sản cố định:** phương pháp khấu hao theo đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình.

- **Hình thức kế toán:** công ty đang áp dụng hình thức sổ **Nhật ký chung** (sơ đồ 2.3)



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng →

Đối chiếu, kiểm tra ↔

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ hạch toán theo hình thức Nhật ký chung tại công ty

- Hàng ngày, căn cứ vào các hóa đơn chứng từ, mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi vào sổ Nhật ký chung và thẻ kế toán chi tiết theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế để ghi vào sổ cái từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh, từ đó lập các sổ có liên quan. Từ sổ nhật ký chung hàng ngày các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào sổ cái từng tài khoản.

- Cuối tháng hoặc định kỳ từ sổ kế toán chi tiết lập nên bảng tổng hợp chi tiết tài khoản. Căn cứ vào sổ cái, sổ chi tiết và tổng hợp, từ đó lập Bảng cân đối sổ phát sinh.

- Sau khi đối chiếu khớp đúng số liệu trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính vào cuối năm.

2.2. Thực trạng công tác vốn bằng tiền tại Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ:

Vốn bằng tiền tại Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ bao gồm: Tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

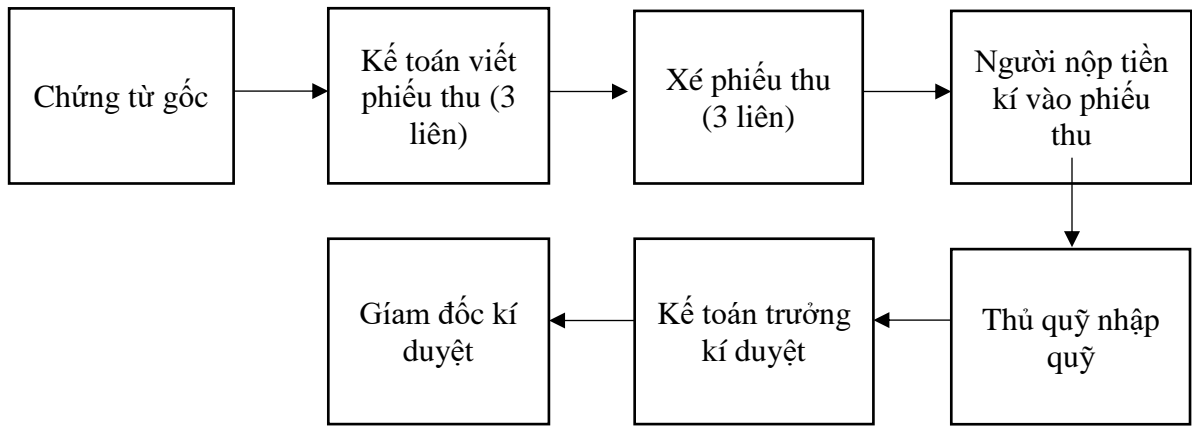
2.2.1. Thực trạng tổ chức kế toán tiền mặt tại quỹ của Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ:

Tại Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ là các tiền Việt Nam đồng, không có tiền mặt là ngoại tệ, vàng bạc, kim loại, đá quý.

➤ *Chứng từ sử dụng tại công ty:*

- Phiếu thu (Mẫu số 01-TT)
- Phiếu chi (Mẫu số 02-TT)
- Giấy đề nghị tạm ứng (Mẫu số 03-TT)
- Biên lai thu tiền (Mẫu số 06-TT)
- Giấy đề nghị thanh toán (Mẫu số 05-TT)

✓ *Dưới đây là quy trình luân chuyển phiếu thu:*

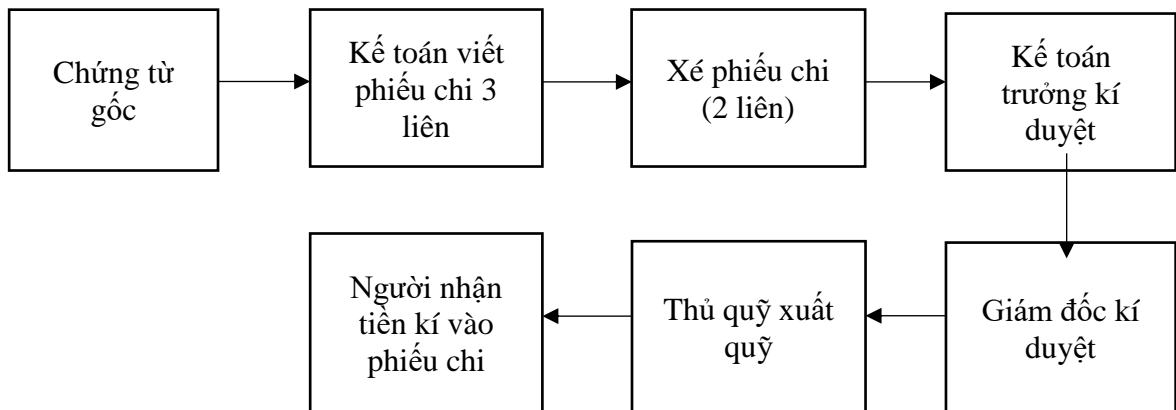


Sơ đồ 2.4 : Quy trình luân chuyển phiếu thu

Phiếu thu do kế toán lập thành 3 liên, ghi đầy đủ nội dung trên phiếu rồi ký vào phiếu thu, sau đó chuyển cho thủ quỹ làm thủ tục nhập quỹ. Sau khi nhận đủ số tiền, thủ quỹ ghi số tiền thực nhập quỹ (bằng chữ) vào phiếu thu trước khi ký và ghi rõ họ tên. Cuối cùng, chuyển cho kế toán trưởng, giám đốc ký duyệt và đóng dấu.

Thủ quỹ giữ lại 1 liên để ghi sổ quỹ, 1 liên giao cho người nộp tiền, 1 liên lưu nơi lập phiếu. Cuối ngày toàn bộ phiếu thu kèm theo chứng từ gốc chuyển cho kế toán ghi sổ.

✓ Dưới đây là quy trình luân chuyển phiếu chi:



Sơ đồ 2.5 : Quy trình luân chuyển phiếu chi

Phiếu chi do kế toán lập thành 3 liên, ghi đầy đủ nội dung trên phiếu chi. Chỉ sau khi đã có chữ ký theo từng liên của người lập phiếu, kế toán trưởng, giám đốc, thủ quỹ mới được xuất quỹ. Sau khi nhận đủ số tiền, người nhận tiền ghi số tiền thực nhận (bằng chữ) vào phiếu chi trước khi ký và ghi rõ họ tên.

Thủ quỹ giữ lại 1 liên để ghi sổ quỹ, 1 liên giao cho người nhận tiền, 1 liên lưu nơi lập phiếu. Cuối ngày toàn bộ phiếu chi kèm theo chứng từ gốc chuyển cho kế toán ghi sổ kế toán.

➤ *Tài khoản sử dụng tại công ty:*

TK 111: Tiền mặt – Phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tiền mặt.

➤ *Sổ sách sử dụng tại công ty:*

- Sổ quỹ tiền mặt
- Sổ Nhật Ký Chung
- Sổ cái TK111

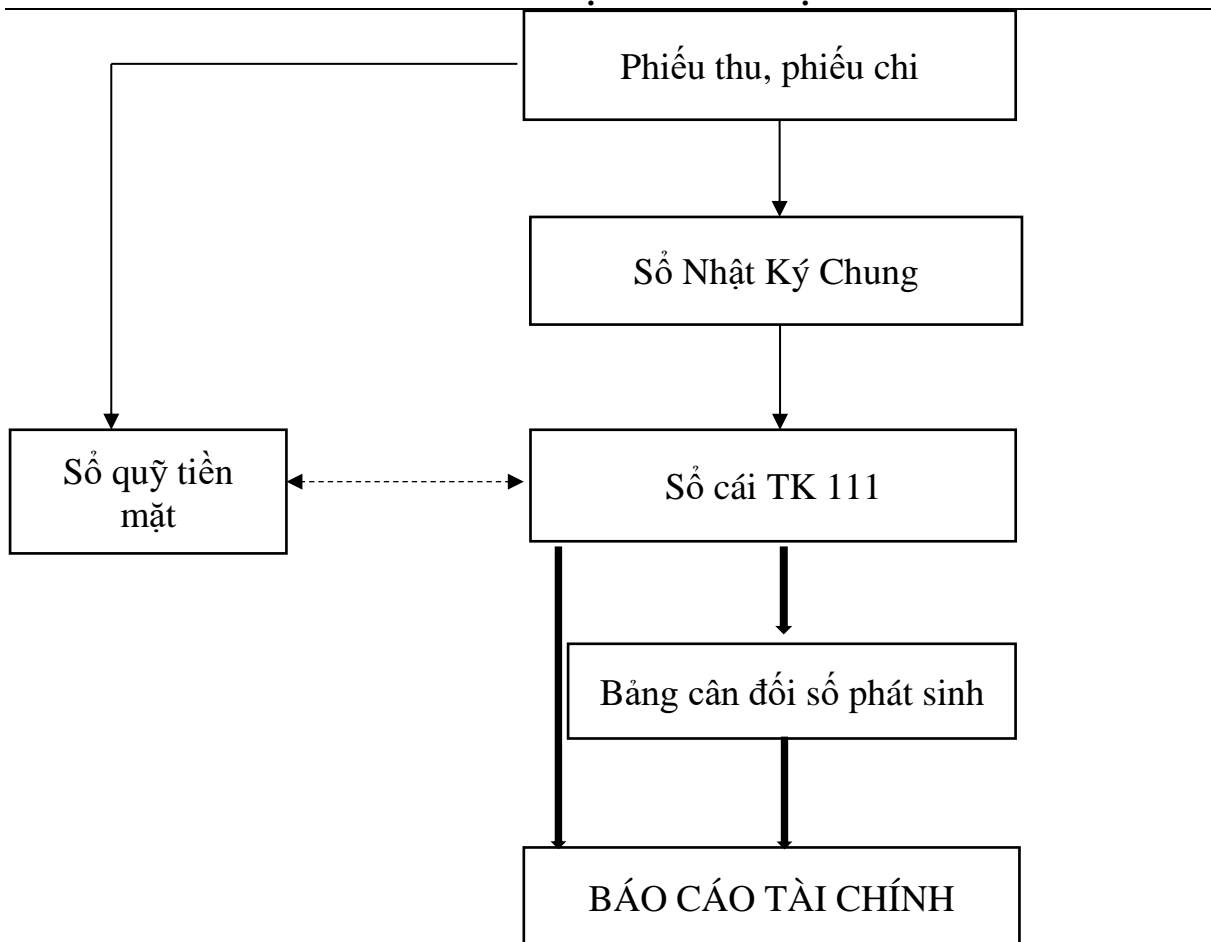
➤ *Quy trình hạch toán tiền mặt tại quỹ của công ty:*

Hàng ngày, khi các nghiệp vụ thu, chi tiền mặt xảy ra, kế toán sẽ căn cứ vào chứng từ để làm căn cứ ghi sổ. Đầu tiên, ghi chép các nghiệp vụ phát sinh vào Nhật ký chung và Sổ quỹ tiền mặt, tiếp theo căn cứ và số liệu ghi trên sổ Nhật Ký Chung để ghi chép vào sổ cái TK 111.

Sau khi kiểm tra, đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái và Sổ quỹ tiền mặt, kế toán sẽ tiến hành lập Bảng cân đối số phát sinh vào cuối năm.

Căn cứ Sổ cái và Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

Quy trình hạch toán tiền mặt tại công ty theo sơ đồ:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng
- Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.6: Sơ đồ quy trình hạch toán tiền mặt tại Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ.

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung và sổ quỹ tiền mặt. Sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK 111 và các tài khoản có liên quan.

Sau đó, kế toán kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái và sổ quỹ tiền mặt sẽ lập Bảng cân đối số phát sinh vào cuối năm. Từ Sổ cái và Bảng cân đối số phát sinh cuối năm lập nên Báo cáo tài chính.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

➤ Ví dụ về kế toán tiền mặt tại quỹ Công Ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ:

Ví dụ 1: Ngày 23/06/2021, Nhà máy nước Trung Trang thanh toán tiền nước thô quý 1 năm 2021 bằng tiền mặt số tiền 14.288.000.

Căn cứ vào Phiếu thu số 057 (**biểu số 2.1**) và các chứng từ có liên quan, kế toán ghi vào Nhật ký chung (**biểu số 2.9**). Từ Nhật ký chung kế toán vào Sổ cái TK 111 và Sổ cái TK 131 theo định khoản sau:

Nợ TK 1111: 14.288.000

Có TK 1311: 14.288.000

Đồng thời thủ quỹ căn cứ vào Phiếu thu tiền hành vào Sổ quỹ tiền mặt (**biểu số 2.11**).

Cuối kỳ căn cứ vào Sổ cái tài khoản, kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh để cuối năm lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.1: Phiếu thu số 057

CT TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐA ĐỘ

Mẫu số: 01-TT

Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

(Ban hành theo TT 200/2014/TT/BTC

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày: 23/06/2021

Số phiếu: 057

Nợ 1111

14.288.000

Nợ 131

14.288.000

Đơn vị: Nhà máy nước Trung Trang

Địa chỉ: Thôn Hạ Trang, xã Bát Trang, huyện An Lão

Lý do nộp: Nộp tiền nước thô quý 1 năm 2021

Số tiền: 14.288.000đồng (Viết bằng chữ): Mười bốn triệu hai trăm tám mươi tám nghìn đồng chẵn

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 23 tháng 06 năm 2021

Thủ trưởng đv

Kế toán trưởng

Người lập

Người nộp tiền

Thủ quỹ

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Mười bốn triệu hai trăm tám mươi tám nghìn đồng chẵn.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

(Nguồn số liệu Phòng Kế toán Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ)

Ví dụ 2: Ngày 30/6/2021, công ty bán nước thô cho Nhà máy nước mini Thanh Sơn số tiền 14.082.300 (chưa gồm VAT 5%), khách hàng đã thanh toán bằng tiền mặt.

Căn cứ vào Phiếu thu số 063 (**biểu số 2.3**), hoá đơn GTGT số 0000108 (**biểu số 2.2**) và các chứng từ có liên quan, kế toán ghi vào Nhật ký chung (**biểu số 2.9**). Từ Nhật ký chung kế toán vào Sổ cái TK 111 và Sổ cái TK 511, TK 333 theo định khoản sau:

Nợ TK 1111: 14.786.415

Có TK 5111: 14.082.300


Có TK 3331: 704.115

Đồng thời thủ quỹ căn cứ vào Phiếu thu tiền hành vào Sổ quỹ tiền mặt.

Cuối kỳ căn cứ vào Sổ cái tài khoản, kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh để cuối năm lập Báo cáo tài chính.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.2 : Hóa đơn giá trị gia tăng 0000108

 HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)		Mẫu số (Form No.): 01GTKT0/001			
Ngày (day) 30 tháng (month) 06 năm (year) 2021		Ký hiệu (Serial No.): DD/20E			
		Số (Invoice No.): 0000108			
Đơn vị bán (Seller):	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐA ĐỘ				
MST (Tax Code):	0200109974				
Địa chỉ (Address):	Số 385 (Km 57 - Quốc lộ 10), Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam				
Điện thoại (Tel.):	02253679522				
STK (Account No.):	1001064604 - SHB phòng giao dịch Kiến An, chi nhánh Hải Phòng				
Người mua (Buyer):	Nguyễn Văn Hà				
Đơn vị (Co. name):	Nhà máy nước mini Thanh Sơn				
MST (Tax Code):	0201606954				
Địa chỉ (Address):	Thôn Cẩm Hoàn - Xã Thanh Sơn - Huyện Kiến Thụy - Thành phố Hải Phòng				
HTTT (Pay. method):	Tiền mặt				
STK (Account No.):					
STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	SL (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Nước thô năm 2021	m3	15.647	900	14.082.300
Cộng tiền hàng (Sub total):					14.082.300
Thuế suất GTGT (Tax rate): 5%		Cộng tiền thuế GTGT (VAT amount):			704.115
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					14.786.415
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Mười bốn triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn bốn trăm mười lăm đồng chẵn./.					
Người mua hàng (Buyer)			Người bán hàng (Seller)		
			Đã được ký điện tử bởi (Signed digitally by) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐA ĐỘ Ngày: 30/06/2021		
(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					
Giải pháp Hóa đơn Điện tử được cung cấp bởi Công ty Cổ phần Bkav - MST 0101360697 - ĐT 1900 545414 - http://ehoadon.vn Hóa đơn Điện tử (HĐĐT) được tra cứu trực tuyến tại http://tracu.ehoadon.vn . Mã tra cứu HĐĐT này: N2SLV70G5HC					

(Nguồn số liệu Phòng Kế toán Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ)

Biểu số 2.3: Phiếu thu số 0063

CT TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐA ĐỘ
Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

Mẫu số: 01-TT

(Ban hành theo TT 200/2014/TT/BTC

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày: 30/06/2021

Số phiếu: 063

Nợ 1111	14.786.415
Có 511	14.082.300
Có 333	704.115

Đơn vị: Nhà máy nước mini Thanh Sơn

Địa chỉ: Cẩm Hoàn, Thanh Sơn, Kiến Thụy, HP

Lý do nộp: Nộp tiền nước thô 6 tháng đầu năm 2021

Số tiền: 14.786.415 đồng (Viết bằng chữ): Mười bốn triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn bốn trăm mười lăm đồng/

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 6 năm 2021

Thủ trưởng đv
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập
(Ký, họ tên)

Người nộp tiền
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Mười bốn triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn bốn trăm mười lăm đồng/

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc. đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

(Nguồn số liệu Phòng Kế toán Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ)

Ví dụ 3: Ngày 7/06/2021, Bà Vũ Thị Lan – Phòng tổ chức hành chính thanh toán chi phí tiếp khách, số tiền chưa bao gồm cả 10% thuế VAT là 2.500.000 đồng.

Căn cứ vào Hoá đơn GTGT số 0094231 (**biểu số 2.4**) Bà Vũ Thị Lan – nhân viên Phòng tổ chức hành chính gửi đề nghị thanh toán đã được giám đốc phê duyệt lên phòng kế toán. Kế toán sau khi xem xét các giấy tờ liên quan, sau đó kế toán viết phiếu chi 214 (**biểu số 2.6**). Phiếu chi được chuyển cho thủ quỹ chi tiền, sau khi thủ quỹ chi tiền xong rồi chuyển cho kế toán để kế toán ghi sổ.

Căn cứ vào Phiếu chi và các chứng từ kế toán liên quan, kế toán ghi vào Nhật ký chung (**biểu số 2.9**). Từ Nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ cái TK 111, TK 642 theo định khoản sau:

Nợ TK 642: 2.500.000

Nợ TK 133: 250.000

Có TK 111: 2.750.000

Đồng thời thủ quỹ căn cứ vào Phiếu chi tiến hành vào Sổ quỹ tiền mặt. Cuối kỳ căn cứ vào Sổ cái tài khoản, kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh để cuối năm lập Báo cáo tài chính.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.4: Hóa đơn giá trị gia tăng 0094231

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Kí hiệu: AA/19P			
Liên 2: Giao người mua		Số: 0094231			
Ngày 07 tháng 06 năm 2021					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HẢI ĐĂNG					
MST: 0201654002					
Địa chỉ: Số 18, Hồ Sen, Lê Chân, Hải Phòng					
Điện thoại: 0225 3872 441			Fax:		
Tài khoản:					
Họ tên người mua hàng: VŨ THỊ LAN					
Tên đơn vị: Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ					
Địa chỉ: Thị trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng					
MST: 0200109974					
Hình thức thanh toán: Tiền mặt Số tài khoản:					
STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6= 4 x5
01	Tiếp khách ăn uống				2.500.000
Cộng tiền hàng:					2.500.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế giá trị gia tăng:			250.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					2.750.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

(Nguồn số liệu Phòng Kế toán Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ)

Biểu số 2.5: Giấy đề nghị thanh toán

CT TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐA ĐỘ

Mẫu số: 05 - TT

Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão Hải Phòng

(Ban hành theo TT200/2014/TT/BTC

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của bộ trưởng BTC)

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Hải phòng, ngày 07 tháng 06 năm 2021

Kính gửi: Giám đốc Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ

Tôi tên là: Vũ Thị Lan

Bộ phận: Phòng tổ chức hành chính

Nội dung thanh toán: Thanh toán tiền chi tiếp khách

Số tiền: 2.750.000đ. (Viết bằng chữ): Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc HĐ 0094231

Người duyệt

Kế toán trưởng

Người đề nghị thanh toán

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu Phòng Kế toán Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.6: Phiếu chi số 214

CT TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐA ĐỘ

Mẫu 02 - TT

Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão Hải Phòng

(Ban hành theo TT200/2014/TT/BTC

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày: 07/06/2021

Số phiếu: 214

Nợ 642 2.500.000

Nợ 133 250.000

Có 1111 2.750.000

Họ tên người nhận tiền: Vũ Thị Lan

Đơn vị: Bộ phận tổ chức hành chính

Lý do chi: Thanh toán chi tiền tiếp khách

Số tiền: 2.750.000 đ. (*Viết bằng chữ*): Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng

Kèm theo: 02 chứng từ gốc Giấy đề nghị thanh toán, HĐ số: 00094231

Thủ trưởng đv

Kế toán trưởng

Người lập

Người nhận tiền

Thủ quỹ

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

(Nguồn số liệu Phòng Kế toán Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ)

Ví dụ 4: Ngày 9/6/2021, công ty thanh toán tiền sửa chữa thay thế thiết bị chiếu sáng, máy vi tính, photo sổ vận hành đồng theo hóa đơn số 0030612 đã chi bằng tiền mặt.

Căn cứ vào Phiếu chi số 217 (**biểu số 2.8**), hoá đơn bán hàng số 0030612 (**biểu số 2.7**) và các chứng từ có liên quan, kế toán ghi vào Nhật ký chung (**biểu số 2.9**). Từ Nhật ký chung kế toán vào Sổ cái TK 111 và Sổ cái TK 642, TK 133 theo định khoản sau:

Nợ TK 642: 3.326.000

Có TK 111: 3.326.000

Đồng thời thủ quỹ căn cứ vào Phiếu chi tiền hành vào Sổ quỹ tiền mặt (**biểu số 2.11**).

Cuối kỳ căn cứ vào Sổ cái tài khoản, kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh để cuối năm lập Báo cáo tài chính.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.7: Hóa đơn giá trị gia tăng 0030612

TP. HẢI PHÒNG

HOÁ ĐƠN BÁN HÀNG

Mẫu số: 02GTTT3/001
Ký hiệu: 02AD/20P
Số: **0030612**

Liên 2: Giao người mua
Ngày: 9 tháng 6 năm 2021

Đơn vị bán hàng:
Mã số thuế:
Địa chỉ:
Điện thoại: Số tài khoản:

NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH
Số 41/308, Hoàng Quốc Việt, phường
Ngọc Sơn, quận Kiến An, TP. Hải Phòng
MST: 8041354771

Họ tên người mua hàng: Nguyễn Thị Thanh Hương
Tên đơn vị: Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đa Độ
Mã số thuế: 0200109974
Địa chỉ: Số 385 (Km 57 Quốc lộ 10) thị trấn Trùng Khánh, huyện An Lão
Hình thức thanh toán: M/C Số tài khoản: TP. Hải Phòng

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	2	3	4	5	6 = 4x5
1	Mũi máy in brother	lô	2	120.000	240.000
2	Khăn mềm diệt virus	kho	1	350.000	350.000
3	Cài đất máy tính	lần	3	100.000	300.000
4	Kem máy in 46	cái	1	780.000	780.000
5	phôtô số 141 tham báo điện vụ mùa 2021	quyển	150	9.000	1.350.000
6	photo bản vẽ chi án chống 354	bản	29	9.000	261.000
7	photo bản vẽ công C2 (khố 10)	bản	3	15.000	45.000

Cộng tiền bán hàng hóa, dịch vụ: 3.326.000
Số tiền viết bằng chữ: Ba triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn đồng

Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên): Nguyễn Thị Thanh Hương
Người bán hàng (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên): Nguyễn Thị Ngọc Bích

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

(Nguồn số liệu Phòng Kế toán Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ)

Biểu số 2.8: Phiếu chi số 217

CT TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐA ĐỘ

Mẫu 02-TT

Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão Hải Phòng

(Ban hành theo TT200/2014/TT/BTC

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày: 09/06/20201

Số phiếu: 217

Nợ 642 3.326.000

Có 1111 3.326.000

Họ tên người nhận tiền: Nguyễn Thị Thanh Hương

Đơn vị: Phòng Quản lý nước

Lý do chi: Thanh toán tiền sửa chữa thay thế thiết bị chiếu sáng, máy vi tính,
photo sổ vận hành

Số tiền: 3.326.000 đ. (*Viết bằng chữ*): Ba triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn
đồng.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc. HĐ số: 0030612

Thủ trưởng đv	Kế toán trưởng	Người lập	Người nộp tiền	Thủ quỹ
(<i>Ký, họ tên</i>)	(<i>Ký, họ tên</i>)	(<i>Ký, họ tên</i>)	(<i>Ký, họ tên</i>)	(<i>Ký, họ tên</i>)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Ba triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn đồng.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

(Nguồn số liệu Phòng Kế toán Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.9: Trích trang sổ nhật ký chung.

CT TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐA ĐỘ
Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

Mẫu số: S03a-DN
(Ban hành theo TT200/2014/TT/BTC
Ngày 22/12/2014 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2021

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng, ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
.....
07/06	PC214 HĐ 94231	07/06	Thanh toán chi phí tiếp khách	642 1331 1111	2.500.000 250.000	2.750.000
.....
09/06	PC 217 HĐ 30612	09/06	Thanh toán tiền sửa chữa thiết bị điện	642 1111	3.326.000	3.326.000
.....
10/06	BC 1041	10/06	Thu tiền bán hàng của Công ty CN XD Đại Phong	112 131	29.702.000	29.702.000
.....
10/06	HĐ 888 PT 51	10/06	Thu tiền bán hàng của Công ty CP TM DV Đình Vũ	111 511 333	2.156.000	1.960.000 196.000
.....
17/06	HĐ 923 PC 219	17/06	Thanh toán chi phí sửa chữa máy tính, photo sổ vận hành	642 133 111	580.000 58.000	638.000
.....
20/06	BN 1255 PT 55	20/06	Rút tiền gửi ngân hàng về nhận quỹ	111 112	100.000.000	100.000.000
.....
23/06	PT 57	23/06	Nhà máy nước Trung Trang trả tiền mua nước thô	1111 1311	14.288.000	14.288.000
.....
30/06	PT 63 HĐ 108	30/06	Nhà máy nước mini Thanh Sơn thanh toán tiền mua nước thô	1111 5111 3331	14.786.415	14.082.300 704.115
.....
Cộng số phát sinh					121.552.214.599	121.552.214.599

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên đóng dấu)

(Nguồn số liệu Phòng Kế toán Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.10: Trích sổ cái TK 111

CT TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐA ĐỘ
Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

Mẫu số: S03b – DN
Ban hành theo TT200/2014/TT/BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Tiền mặt – Tiền Việt Nam

Tài khoản: 111

Năm 2021

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng, ghi sổ	Chứng Từ		Diễn Giải	Số hiệu TKĐÚ'	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			Số dư đầu kỳ		612.118.584	
07/06	PC214 HĐ 94231	07/06	Thanh toán chi phí tiếp khách	642 133		2.500.000 250.000
09/06	PC 217 HĐ 30612	09/06	Thanh toán tiền sửa chữa thiết bị điện	642		3.326.000
10/06	HĐ 888 PT 51	10/06	Thu tiền bán hàng của Công ty CP TM DV Đình Vũ	5111 3331	1.960.000 196.000	
17/06	HĐ 923 PC 219	17/06	Thanh toán chi phí sửa chữa máy tính, photo sổ vận hành	642 133		580.000 58.000
20/06	BN 1255 PT 55	20/06	Rút tiền gửi ngân hàng về nhận quỹ	1121	100.000.000	
23/06	PT 57	23/06	Nhà máy nước Trung Trang trả tiền mua nước thô	1311	14.288.000	
30/06	PT 63 HĐ 108	30/06	Nhà máy nước mini Thanh Sơn thanh toán tiền mua nước thô	5111 3331	14.082.300 704.115	
			Cộng số phát sinh		1.462.289.765	1.293.678.069
			Số dư cuối kỳ		780.730.280	

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Giám đốc

(Ký, họ tên đóng dấu)

(Nguồn số liệu Phòng Kế toán Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.11: Sổ quỹ tiền mặt.

CT TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐA ĐỘ
Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão Hải Phòng

Mẫu số: S07 – DN
(Ban hành theo TT 200/214/TT/BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Tài khoản: 1111

Năm 2021

NT GS	NT CT	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Số tiền		
		Thu	Chi		Thu	Chi	Tồn
A	B	C	D	E	1	2	3
				Số tồn đầu kỳ			<u>612.118.584</u>
.....
07/06	07/06		PC214	Thanh toán chi phí tiếp khách		2.750.000	732.124.621
.....
09/06	09/06		PC 217	Thanh toán tiền sửa chữa thiết bị điện		3.326.000	723.015.424
.....
10/06	10/06	PT 51		Thu tiền bán hàng của Công ty CP TM DV Đình Vũ	2.156.000		745.689.654
		
17/06	17/06		PC 219	Thanh toán chi phí sửa chữa máy tính, photo số vận hành		638.000	710.212.539
.....
20/06	20/06	PT 55		Rút tiền gửi ngân hàng về nhận quỹ	100.000.000		705.021.565
.....
23/06	23/06	PT 57		Nhà máy nước Trung Trang trả tiền mua nước thô	14.288.000		701.134.225
.....
30/06	30/06	PT 63		Nhà máy nước mini Thanh Sơn thanh toán tiền mua nước thô	14.786.415		696.056.805
.....
				Cộng số phát sinh kỳ	1.462.289.765	1.293.678.069	
				Số dư cuối kỳ			<u>780.730.280</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu Phòng Kế toán Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ)

2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán tiền gửi ngân hàng tại Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ:

Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ mở 2 tài khoản của công ty tại: Ngân hàng SHB, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam (Vietin Bank).

➤ *Chứng từ sử dụng tại công ty:*

- ✓ Giấy báo có
- ✓ Giấy báo nợ
- ✓ Ủy nhiệm thu
- ✓ Ủy nhiệm chi
- ✓ Lệnh chi

+ Đối với giấy báo có: khi khách hàng thanh toán tiền hàng cho công ty qua tài khoản ngân hàng hoặc do công ty nộp tiền vào tài khoản...thì ngân hàng sẽ thông báo số tiền mà công ty nhận được tại tài khoản ngân hàng và ghi tăng số tiền trong tài khoản công ty.

+ Đối với giấy báo nợ: khi công ty thanh toán tiền hàng cho đơn vị khác qua tài khoản ngân hàng hoặc do công ty rút tiền vào tài khoản...thì ngân hàng sẽ thông báo số tiền mà công ty bị trừ đi tại tài khoản ngân hàng và ghi giảm số tiền trong tài khoản công ty.

+ Đối với UNC: căn cứ vào hợp đồng kinh tế đã ký kết giữa các công ty và các bên có liên quan, kế toán trưởng lập UNC trả tiền cho nhà cung cấp. UNC được thành lập 3 thành 3 liên. 1 liên lưu lại quyền của công ty, 1 liên được gửi đến ngân hàng nơi công ty mở tài khoản, liên còn lại luân chuyển trong công ty làm cơ sở ghi sổ.

+ Cuối kỳ, ngân hàng gửi sổ phụ đến công ty để thông báo về số dư TK. Khi nhận được chứng từ của ngân hàng, kế toán phải kiểm tra đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo.

+ Nếu có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của công ty với số liệu trên các chứng từ gốc của ngân hàng thì công ty phải thông báo ngay cho ngân hàng để cùng đối chiếu, xác minh và xử lý kịp thời.

➤ *Tài khoản sử dụng tại công ty:*

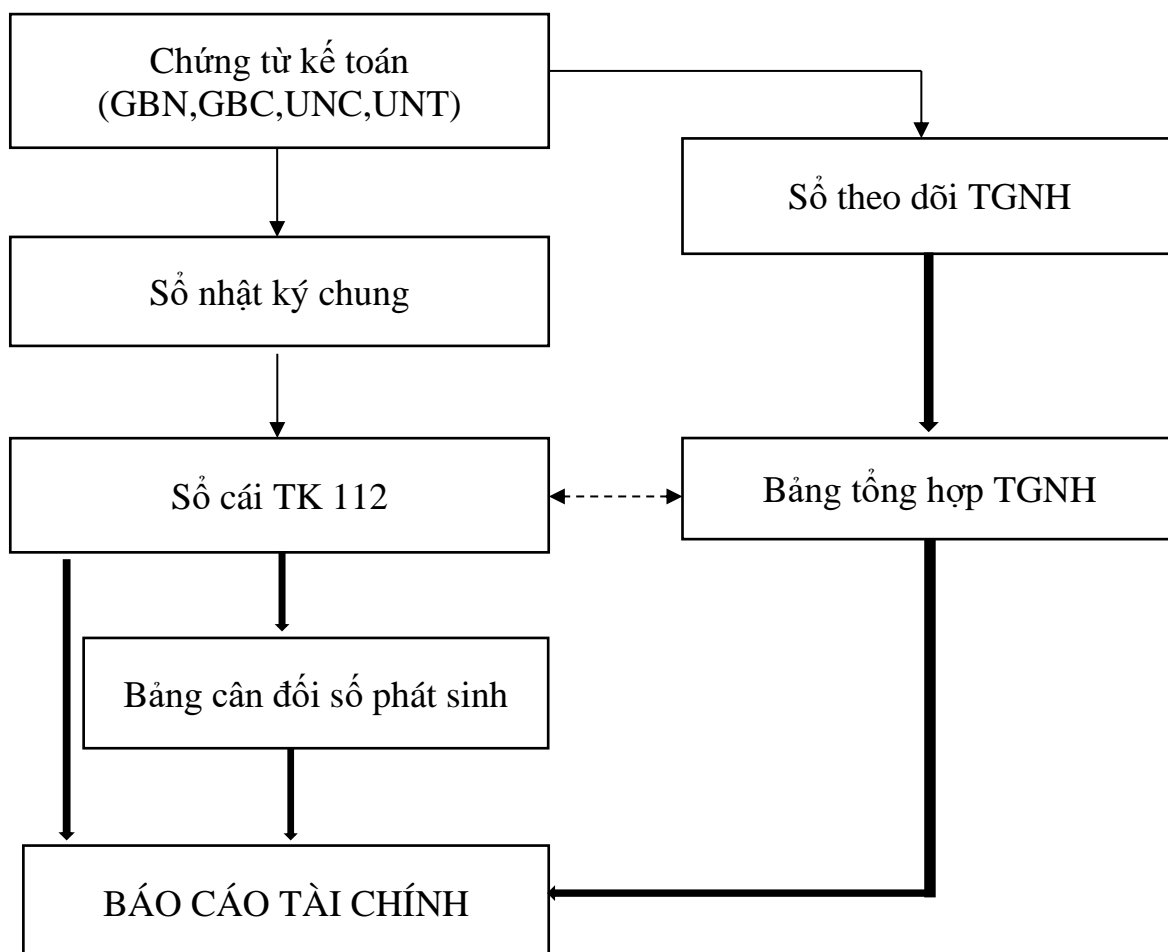
Đề phản ánh tình hình tăng giảm và số hiện có về các tài khoản tiền gửi của doanh nghiệp kế toán sử dụng TK 112 – Tiền gửi ngân hàng

Tại công ty giao dịch chủ yếu bằng tiền Việt Nam và tiền nước ngoài

➤ *Sổ sách sử dụng tại công ty:*

- Sổ Nhật Ký Chung
- Sổ cái TK112
- Sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng
- Bảng tổng hợp theo dõi tiền gửi ngân hàng

➤ *Quy trình hạch toán tại công ty:*



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày \longrightarrow
- Ghi cuối tháng \longrightarrow
- Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

Sơ đồ 2.7: Sơ đồ quy trình hạch toán kế toán tiền gửi ngân hàng tại Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ. trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật Ký Chung. Sau đó, căn cứ số liệu đã ghi trên. Sổ Nhật Ký Chung để ghi vào Sổ cái TK 112 và các tài khoản có liên quan.

Sau đó, kế toán kiểm tra đối chiếu đúng số liệu ghi trên Sổ sẽ lập Bảng cân đối số phát sinh vào cuối năm. Từ đó lập nên Báo cáo tài chính.

- *Ví dụ về kế toán tiền gửi Ngân hàng tại Công ty MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ:*

Ví dụ 1: Ngày 8/12/2021, Trung tâm Viễn Thông 6 VTHP thanh toán tiền thuê mặt bằng trạm BTS với tổng số tiền 39.600.000đ.

Căn cứ vào giấy báo có (**Biểu số 2.13**), hóa đơn GTGT số 0000001 (**Biểu số 2.12**) và các chứng từ liên quan, kế toán ghi vào Nhật ký chung (**Biểu số 2.16**). Từ nhật ký chung kế toán vào Sổ cái TK 112 (**Biểu số 2.17**), TK 131 theo định khoản sau:

Nợ TK 1121: 39.600.000

Có TK 1311: 39.600.000

Đồng thời kế toán theo dõi tiền gửi ngân hàng căn cứ vào Giấy báo có tiến hành vào Sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng (**biểu số 2.18**).

Cuối kỳ căn cứ vào Sổ cái tài khoản, kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh để cuối năm lập Báo cáo tài chính.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.12 : Hóa đơn giá trị gia tăng 0000001

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)		Mẫu số - Ký hiệu (Serial No.): 1C21TYY Số (Invoice No.): 00000001			
Ngày (day) 06 tháng (month) 12 năm (year) 2021					
Mã của Cơ quan thuế: 00057ED08C4AB9410C83B62E75BC4BEFB4					
Đơn vị bán (Seller):	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐA ĐỘ				
MST (Tax Code):	0200109974				
Địa chỉ (Address):	Số 385 (Km 57 - Quốc lộ 10), Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam				
Điện thoại (Tel.):	02253679522				
STK (Account No.):	1001064604 - SHB phòng giao dịch Kiến An, chi nhánh Hải Phòng				
Người mua (Buyer):	Nguyễn Văn Năm				
Đơn vị (Co name):	VIỄN THÔNG HẢI PHÒNG				
MST (Tax Code):	0200287977				
Địa chỉ (Address):	Lô C6 Khu Trung tâm hành chính Quận Hải An, Đường Lê Hồng Phong, Phường Đằng Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.				
HTTT (Pay method):	Chuyển khoản				
STK (Account No.):					
STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	SL (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	Thuê mặt bằng đất trạm BTS từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021 theo Hợp đồng số 2128/2012/HDKT ngày 14/12/2012	tháng	12	3.000.000	36.000.000
Cộng tiền hàng (Sub total):					36.000.000
Thuế suất GTGT (Tax rate): 10%		Cộng tiền thuế GTGT (VAT amount):			3.600.000
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					39.600.000
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Ba mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn./.					
Người mua hàng (Buyer)			Người bán hàng (Seller)		
			Đã được ký điện tử bởi (Signed digitally by)		
			CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐA ĐỘ Ngày: 06/12/2021		
(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					
Giải pháp Hóa đơn Điện tử được cung cấp bởi Công ty Cổ phần Bkav - MST 0101360697 - ĐT 1900 545414 - http://ehoadon.vn Hóa đơn Điện tử (HDDT) được tra cứu trực tuyến tại http://tracuu.ehoadon.vn. Mã tra cứu HDDT này: S3C8S1ENTG7					

CS Được quét bằng CamScanner

(Nguồn số liệu Phòng Tài chính- Kế toán Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ)

Biểu số 2.13 : Giấy báo có số 611980

SHB
Solid partners, flexible solutions
HÀNG TMCP SÀI GÒN - HÀ NỘI

Ngày in/Printed date: 05/01/2022
Giao dịch viên/Teller: STPMKR1
Số giao dịch/Trans no: LPSF081221611980

GIẤY BÁO CÓ/CREDIT SLIP
Ngày/date: 08/12/2021

ĐƠN VỊ THỤ HƯỞNG/BENEFICIARY
Tên tài khoản/Customer name: CTY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐA ĐỘ
Số tài khoản/Account number: 1001064604

ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN/PAYMENT
Tên tài khoản/Customer name: Trung Tâm Viễn Thông 6 VTHP
Số tài khoản/Account number: 2109201005621

Số tiền bằng chữ/Amount in words: Ba mươi chín triệu sáu trăm ngàn đồng
Nội dung/Content: 19797186-Trung Tâm Viễn Thông 6 VTHP - THANH TOÁN TIỀN THUÊ TRAM BTS CÔNG CO TIÊU TU 01/01/2021 ĐẾN 31/12/2021

Tổng số tiền bằng số/Amount:
39,600,000.00 VND

GIAO DỊCH VIÊN
TELLER
Nguyễn Thị Tuyết Mai

KIỂM SOÁT
CHECKER

CS Được quét bằng CamScanner

(Nguồn số liệu Phòng Tài chính- Kế toán Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ)

Ví dụ 2: Ngày 15/12/2021, công ty thanh toán trả kinh phí đăng tải thông tin tuyên truyền trên tạp chí Văn hóa doanh nghiệp Việt nam số tháng 10/2021 số tiền 5.500.000đ.

Khi phát sinh nghiệp vụ thanh toán qua ngân hàng, kế toán công ty xuất phiếu duyệt chi và gửi giấy uỷ nhiệm chi đến Ngân hàng SHB. Ngân hàng nhận được Uỷ nhiệm chi tiến hành thanh toán. Căn cứ vào các chứng từ: Hoá đơn GTGT số 0000025 (**Biểu số 2.14**), Uỷ nhiệm chi kế toán kiểm tra đối chiếu với ngân hàng để đảm bảo tính chính xác, hợp lý của số liệu. Sau đó lấy căn cứ để ghi vào Sổ chi tiết ngân hàng (**Biểu số 2.17**).

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Từ uỷ nhiệm chi (**Biểu số 2.15**) kế toán vào sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng cuối kỳ lập bảng tổng hợp tiền gửi (**Biểu số 2.19**), đồng thời ghi vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.16**). Từ Nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ cái TK 112, TK 641, TK 133 theo định khoản sau:

Nợ TK 3311: 5.500.000

Có TK 1121: 5.500.000

Cuối kỳ từ Sổ cái các tài khoản kế toán sẽ vào Bảng cân đối tài khoản để phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.14 : Hóa đơn giá trị gia tăng 0000025

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)		Mẫu số (Form No.): 01GTKT0/001			
Ngày (day) 12 tháng (month) 10 năm (year) 2021		Ký hiệu (Serial No.): VN/21E			
		Số (Invoice No.): 0000025			
TẠP CHÍ VĂN HÓA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM 0107984684 Phòng 906, tòa 24T3, Thanh Xuân Complex, số 6 Lê Văn Thiêm, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam Điện thoại (Tel.): 024.73056786 STK (Account No.): 128000034403 - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- chi nhánh Thanh Xuân, Hà Nội					
Người mua (Buyer): Đơn vị (Co. name): CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐA ĐỘ MST (Tax Code): 0200109974 Địa chỉ (Address): Số 385 (Km 57 - Quốc lộ 10), Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng HTTT (Pay. method): Chuyển khoản STK (Account No.): 1001064604 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn- Hà Nội, chi nhánh Hải Phòng					
STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	SL (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Đăng tải thông tin tuyên truyền trên Tạp chí Văn hóa Doanh nghiệp Việt Nam số tháng 10/2021	kỳ	1	5.000.000	5.000.000
Cộng tiền hàng (Sub total):					5.000.000
Thuế suất GTGT (Tax rate): 10%					Cộng tiền thuế GTGT (VAT amount): 500.000
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					5.500.000
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Năm triệu năm trăm nghìn đồng chẵn./					
Người mua hàng (Buyer)			Người bán hàng (Seller)		
			Đã được ký điện tử bởi (Signed digitally by) TẠP CHÍ VĂN HÓA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM Ngày: 12/10/2021		
(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					
Giải pháp Hóa đơn Điện tử được cung cấp bởi Công ty Cổ phần Bkav - MST 0101360697 - ĐT 1900 545414 - http://ehoadon.vn Hóa đơn Điện tử (HĐĐT) được tra cứu trực tuyến tại http://tracuu.ehoadon.vn. Mã tra cứu HĐĐT này: P33IZKHGF8A					

(Nguồn số liệu Phòng Kế toán Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ)

Biểu số 2.15: Ủy nhiệm chi

UNC 43

ỦY NHIỆM CHI / PAYMENT ORDER
Ngày (Date): 15/12/2021

Mẫu số: 02-SHB
Liên số:.....(copy.....)

<p>ĐƠN VỊ CHUYỂN TIỀN (Applicant) CÔNG TY TNHH MTV KTCT TL ĐA ĐỘ 1001064604 SHB PGD KIẾN AN- HẢI PHÒNG</p> <p>ĐƠN VỊ NHẬN TIỀN (Beneficiary) TẬP CHÍ VĂN HÓA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM Số TK/CMT/HC: 128 0000 34403 Nơi cấp: PGD KIẾN AN - SHB HẢI PHÒNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - XUÂN, HÀ NỘI</p>	<p>Số bút toán: TK ghi Nợ: TK ghi Có:</p> <p>SỐ TIỀN (Amount) Bằng số (In figures): 5.500.000 VND Bằng chữ (In word): Năm triệu năm trăm ngàn đồng chẵn.</p> <p>Phí NH: Phí trong Phí ngoài Bank charges Including Excluding</p> <p>Nội dung: Trả KP đăng tải thông tin tuyên truyền trên tạp chí Văn hóa Doanh nghiệp Việt Nam số tháng 10/2021.</p>
<p>ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN (Applicant) Kế toán trưởng Chief Accountant <i>R. Hoa</i> <i>Đỗ Thị Khánh Hoa</i></p> <p style="text-align: center;">CHỦ TỊCH CÔNG TY <i>Nguyễn Văn Chơn</i></p>	<p>NGÂN HÀNG A (Bank of Applicant) Chi số ngày (dated) 15/12/2021 Giao dịch viên Teller Kiểm soát Supervisor <i>Trần Thị Nhàn</i></p> <p>NGÂN HÀNG B (Bank of Beneficiary) Ghi số ngày (dated) / / Giao dịch viên Teller Kiểm soát Supervisor</p>

ĐÃ CHUYỂN KHOẢN

CS Được quét bằng CamScanner

(Nguồn số liệu Phòng Kế toán Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.16: Trích trang Nhật Ký Chung

CT TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐA ĐỘ
Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

Mẫu số: S03a-DN
(Ban hành theo TT200/2014/TT/BTC
Ngày 22/12/2014 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2021

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng, ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
.....
02/12	PT 1095	02/12	Khách hàng thanh toán tiền	1111 1311	3.564.000	3.564.000
.....
06/12	HĐ 842 BC 611032	05/12	Thu tiền bán hàng của Công ty TNHH Alutec Vina	1121 5111 3331	28.274.400	25.704.000 2.570.400
.....
08/12	BC 611980	08/12	Trung tâm VT 6 trả tiền thuê mặt bằng trạm BTS	1121 1311	39.600.000	39.600.000
.....
15/12	UNC 45C	15/12	Thanh toán kinh phí đăng tải thông tin tuyên truyền trên tạp chí Văn hóa DN tháng 10/2021	3311 1121	5.500.000	5.500.000
.....
17/12	HĐ 923 PC 1141	15/12	Chi phí tiếp khách	642 1331 1111	5.800.000 580.000	6.380.000
.....
20/12	BN 1255 PT 1141	20/12	Rút tiền gửi ngân hàng về nhận quỹ	1111 1121	100.000.000	100.000.000
.....
25/12	PC 1162	25/12	Thanh toán phí thuê xe tháng 12	641 1331 1111	7.500.000 750.000	8.250.000
.....
28/12	HĐ 952 UNC 611328	28/12	Thanh toán cước CPN	641 1331 1121	5.811.759 581.176	6.392.935
.....
			Cộng số phát sinh		121.552.214.599	121.552.214.599

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu Phòng Kế toán Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.17: Trích sổ cái TK 112

CT TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐA ĐỘ
Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

Mẫu số: S03b – DN
(Ban hành theo TT 200/214/TT/BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Tiền gửi ngân hàng

Tài khoản: 112

Năm 2021

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng, ghi sổ	Chứng Từ		Diễn Giải	Số hiệu TKĐÚ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			Số dư đầu kỳ		37.660.175	
			Số phát sinh			
.....
8/12	BC 611032	08/12	Trung tâm VT 6 trả tiền thuê mặt bằng trạm BTS	1311	39.600.000	
.....
15/12	UNC 611980	15/12	Thanh toán kinh phí đăng tải thông tin tuyên truyền trên tạp chí Văn hóa DN tháng 10/2021	3311		5.500.000
.....
19/12	BN 1109	19/12	Lãi tiền vay ngân hàng	635		232.234
.....
20/12	BN 1255 PT 601	20/12	Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ	111		100.000.000
.....
28/12	HĐ 952 UNC 611328	25/12	Thanh toán cước CPN	641		5.811.759
				133		581.176
.....
			Cộng số phát sinh		14.199.015.415	14.442.691.846
			Số dư cuối kỳ		393.983.744	

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)
(Đã ký)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)
(Đã ký)

(Nguồn số liệu Kế toán Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.18: Sổ tiền gửi ngân hàng

CT TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐA ĐỘ

Mẫu số: S06 – DN

Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão Hải Phòng

(Ban hành theo TT 200/214/TT/BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG NGÂN HÀNG SHB

Năm 2021

Chứng từ		Diễn giải	TK đôi ứng	Số tiền		
Số hiệu	Ngày tháng			Thu	Chi	Còn lại
A	B	C	D	1	2	3
		Số dư đầu kỳ				310.672.225
		Số phát sinh				
					
BC 611032	08/12	Trung tâm VT 6 trả tiền thuê mặt bằng trạm BTS	1311	39.600.000		1.012.152.523
					
UNC 611980	15/12	Thanh toán kinh phí đăng tải thông tin tuyên truyền trên tạp chí Văn hóa DN tháng 10/2021	3311		5.500.000	1.234.254.325
					
BN 1109	19/12	Lãi tiền vay ngân hàng	635		232.234	953.248.364
					
BN 1225	20/12	Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ	1111		100.000.000	700.152.247
					
BN 1289	22/12	Trả nợ tiền mua hàng	3311		21.560.000	842.214.257
					
UNC 611328	25/12	Thanh toán cước CPN	641		5.811.759	682.352.987
			133		581.176	
					
		Cộng phát sinh tháng		12.345.245.365	12.463.459.023	
		Số dư cuối kỳ				192.458.567

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thủ quỹ

(Ký, họ tên)

(Đã ký)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Đã ký)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Đã ký)

(Nguồn số liệu Phòng Kế toán Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.19: Bảng tổng hợp tiền gửi ngân hàng

CT TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐA ĐỘ

Mẫu số: S05a – DN

Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão Hải Phòng

(Ban hành theo TT 200/214/TT/BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Trưởng BTC)

BẢNG TỔNG HỢP TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Năm 2021

TT	Tên ngân hàng	Tồn đầu kỳ	Gửi vào	Rút ra	Tồn cuối kỳ
1	SHB	310.672.225	12.345.245.365	12.463.459.023	192.458.567
2	Vietin Bank	326.987.950	1.853.770.050	1.979.232.823	201.525.177
	Cộng	637.660.175	14.199.015.415	14.442.691.846	393.983.744

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)
(Đã ký)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)
(Đã ký)

(Nguồn số liệu Phòng Kế toán Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ)

**CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN
VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG
TRÌNH THỦY LỢI ĐA ĐỘ.**

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán tại Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ:

Qua thời gian tìm hiểu thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ, em nhận thấy công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng tại công ty có những ưu và nhược điểm như sau:

3.1.1. Ưu điểm:

❖ *Về bộ máy kế toán:*

Công ty có đội ngũ kế toán giàu kinh nghiệm, có trình độ, nhiệt tình trong công việc cũng như sự nhạy bén trong việc xử lý nghiệp vụ kinh tế phát sinh và tổng hợp thông tin từ kế toán. Từ việc hạch toán ban đầu đến việc kiểm tra các chứng từ được tiến hành một cách cẩn thận, đảm bảo số liệu phản ánh trung thực, hợp lý, rõ ràng và dễ hiểu.

Các nghiệp vụ phát sinh được cập nhập hàng ngày nên thông tin kinh tế mang tính chất liên tục, chính xác. Công tác kế toán tổng hợp được đơn giản hoá đến mức tối đa, cho phép ghi chép một các tổng hợp những nghiệp vụ kinh tế có liên quan đến tình trạng biến động của vốn bằng tiền.

Kế toán phản ánh các nghiệp vụ phát sinh tuân thủ đầy đủ theo đúng chế độ kế toán, các nghiệp vụ được hạch toán theo trình tự thời gian rất hợp lý, đáp ứng thuận tiện cho công tác theo dõi.

❖ *Về hình thức kế toán:*

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật Ký Chung, đây là hình thức sổ kế toán đơn giản về quy trình hạch toán, không những giúp cho kế toán viên thuận tiện trong việc ghi chép, sử lý số liệu kế toán mà còn tiết kiệm thời gian, công sức và tạo điều kiện cho việc cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời. Cùng với sự hỗ trợ của kế toán Excel, việc ghi chép, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được diễn ra nhanh chóng, thuận lợi, tiết kiệm được thời gian và công sức.

❖ *Về chứng từ sử dụng:*

Công ty sử dụng đúng chứng từ theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo TT số 200/214/TT-BTC ngày 22/12/2014 của bộ trưởng Bộ Tài Chính. Các thủ tục chứng từ liên quan đến việc hạch toán được thực hiện đầy đủ. Từ những công việc hạch toán ban đầu đến việc kiểm tra tính hợp lý của các chứng từ được tiến hành một cách cẩn thận, đảm bảo số liệu được phản ánh trung thực, hợp lý, rõ ràng và dễ hiểu. Chứng từ được lưu trữ và đóng quyển theo thứ tự để thuận lợi cho việc kiểm tra, thanh tra.

❖ *Về sổ sách kế toán sử dụng:*

Sổ sách kế toán của công ty được lập rõ ràng, chính xác theo mẫu hướng dẫn của Nhà nước. Không chỉ cứng nhắc theo các mẫu sổ kế toán được quy định, kế toán công ty còn sáng lập ra những sổ kế toán phù hợp với đặc điểm kinh doanh, tình hình thực tế và yêu cầu quản lý của công ty nhưng vẫn tuân thủ theo đúng quy định, phản ánh chính xác, minh bạch các nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh, tăng hiệu quả giám sát và đối chiếu.

Công ty đã xây dựng hệ thống tài khoản khá chi tiết, cụ thể, phù hợp với đặc điểm của từng đối tượng hạch toán của công ty, tạo điều kiện cho việc theo dõi các nghiệp vụ kinh tế. Hệ thống tài khoản áp dụng để theo dõi biến động của vốn bằng tiền hoàn thành tuân thủ theo quy định của chế độ kế toán do Nhà nước ban hành.

❖ *Về hạch toán kế toán:*

Đối với tiền mặt: Tiền mặt của công ty do thủ quỹ quản lý, chịu trách nhiệm thu, chi. Việc thu, chi tiền mặt cần dựa trên các chứng từ gốc hợp lý, hợp lệ. Dựa vào các phiếu thu, phiếu chi hàng ngày để lập sổ quỹ tiền mặt giúp cho việc quản lý tiền mặt được thực hiện hiệu quả. Thông qua sổ sách sẽ giúp cho kế toán có thể so sánh các số liệu với sổ quỹ một cách tối ưu, thuận tiện, đơn giản, chính xác, giúp phát hiện được những sai sót, tìm ra nguyên nhân và đưa ra các xử lý chênh lệch kịp thời.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Kế toán liên hệ chặt chẽ, đối chiếu và theo dõi đầy đủ các chứng từ Ngân hàng. Căn cứ vào giấy báo Nợ, giấy báo Có giúp cho kế toán thuận tiện việc theo dõi, quản lý lượng tiền gửi ngân hàng một cách tốt hơn.

3.1.2. Hạn chế:

Mặc dù, tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền của công ty đã đảm bảo tuân thủ theo đúng chế độ hiện hành. Bên cạnh những ưu điểm trên, công ty vẫn còn hạn chế trong quá trình hạch toán.

❖ *Kế toán không tiến hành kiểm kê quỹ định kì:*

Lượng tiền mặt hàng ngày của công ty giao dịch lớn, việc kiểm tra thường xuyên quỹ tiền mặt sẽ hạn chế được những sai sót nhầm lẫn hoặc các hàng vi gian lận trong quản lý tiền mặt nhưng kế toán không tiến hành kiểm kê định kỳ cuối năm một lần. Do đó, khó xác định được số chênh lệch giữa tiền tồn quỹ thực tế với sổ quỹ để từ đó tăng cường quản lý và làm cơ sở quy trách nhiệm vật chất, ghi sổ kế toán chênh lệch.

❖ *Về công tác thanh toán:*

Công ty không sử dụng một cách triệt để việc thanh toán qua ngân hàng. Những khoản tiền có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên công ty đã thanh toán bằng chuyển khoản tuy nhiên có nhiều khoản tiền dưới 20 triệu đồng công ty thực hiện bằng cách thanh toán tiền mặt, điều này cho thấy công ty không sử dụng hết lợi thế của việc thanh toán bằng chuyển khoản làm ảnh hưởng đến an toàn tiền quỹ của công ty, có thể xảy ra mất mát. Mặt khác lượng tồn quỹ tại công ty quá nhiều không đảm bảo khả năng sinh lời của tiền.

❖ *Về việc hiện đại hóa công tác kế toán:*

Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ chưa sử dụng phần mềm kế toán để phục vụ công tác kế toán nên vẫn chưa phát huy được hết vai trò của máy tính trong công tác hạch toán kế toán, chưa tiết kiệm được thời gian lao động của nhân viên. Việc áp dụng kế toán thủ công làm tăng thêm thời gian ghi chép, tổng hợp số liệu và chuyển sổ. Nhất là vào cuối kỳ kế toán, khối lượng công việc nhiều dẫn đến sai sót. Vì vậy, việc sử dụng phần mềm kế toán không những giảm nhẹ được áp lực và khối lượng công việc mà còn đem lại hiệu quả công việc cao.

3.2. Một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ:

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện:

Hiện nay, tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ chưa được hoàn thiện gây nhiều khó khăn cho công tác quản lý. Đối với bất kỳ doanh nghiệp nào trong nền kinh tế thị trường hiện nay thì yêu cầu sống còn là không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường để tồn tại và phát triển.

Vốn bằng tiền là cơ sở, là tiền đề cho một doanh nghiệp hình thành, tồn tại và phát triển, là điều kiện cơ sở để doanh nghiệp hoàn thành nhiệm vụ cũng như mục tiêu của mình. Để thực hiện tốt hơn nữa việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn bằng tiền không những phát huy những điểm mạnh mà còn phải hạn chế những tồn tại để việc kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

3.2.2. Mục đích và yêu cầu hoàn thiện:

Điều quan trọng nhất đối với doanh nghiệp thì yếu tố thông tin và cơ chế quản lý có ảnh hưởng rất lớn tới tổ chức công tác kế toán. Chính vì vậy, cần phải thấy được những đặc trưng cơ bản của nền kinh tế thị trường và sự tác động các nhân tố khác tới việc tổ chức công tác kế toán, để tìm ra biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán, đáp ứng được yêu cầu quản lý của doanh nghiệp đặt ra. Muốn vậy, việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng cần phải tuân thủ theo các yêu cầu sau:

- Phải tuân thủ chế độ tài chính, chế độ kế toán hiện hành
- Phải phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty
- Phải đáp ứng được việc cung cấp thông tin kịp thời, chính xác
- Tổ chức công tác kế toán phải đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả.

3.2.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ:

Việc nâng cao hiệu quả vốn bằng tiền chính là một trong các biện pháp tích cực nhằm phát triển hoạt động kinh doanh của công ty. Để thực hiện tốt hơn nữa việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn bằng tiền không những cần phát huy những điểm mạnh còn phải hạn chế những điểm còn yếu để hoàn thiện công tác kế toán

nói chung và công tác vốn bằng tiền nói riêng nhằm giúp việc kinh doanh đạt hiệu quả tốt hơn.

Sau khi được tìm hiểu dưới sự chỉ bảo nhiệt tình của thầy cô và cán bộ trong công ty về các phần hành kế toán nói chung và đi sâu vào nghiên cứu tình hình thực tế về tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại công ty. Em xin được đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ.

➤ ***Thứ nhất, hoàn thiện công tác quản lý quỹ tiền mặt:***

Nhằm để quản lý chặt chẽ tiền mặt tại quỹ công ty cần tiến hành việc kiểm kê quỹ định kỳ hoặc đột xuất. Khi tiến hành kiểm kê quỹ lập ban kiểm kê trong đó thủ quỹ và kế toán tiền mặt là các thành viên.

Trước khi kiểm kê quỹ, thủ quỹ phải ghi sổ quỹ tất cả các phiếu thu, chi và tính số dư tồn quỹ đến thời điểm kiểm kê. Mọi khoản chênh lệch quỹ đều phải báo cáo Giám đốc xem xét giải quyết.

Việc kiểm kê quỹ được tiến hành định kỳ vào cuối tháng, cuối quý, cuối năm hoặc khi cần thiết có thể kiểm kê đột xuất hoặc khi bàn giao quỹ. Biên bản kiểm kê phải ghi rõ số lượng từng loại tiền và thời điểm kiểm kê. Biên bản kiểm kê quỹ bao gồm hai bản:

- Một bản sao lưu ở quỹ
- Một bản lưu ở kế toán quỹ tiền mặt hoặc kế toán thanh toán
- ❖ Thực tế khi tiến hành kiểm kê quỹ có thể xảy ra các trường hợp thừa, thiếu tiền so với sổ sách. Những trường hợp đó công ty sẽ xử lý như sau:
 - ✓ Trường hợp phát hiện thừa khi kiểm kê:
 - Căn cứ vào biên bản kiểm kê:

Nếu chưa xác định được nguyên nhân thì phải chờ xử lý, căn cứ vào giá trị khoản tiền thừa:

Nợ TK 111- Tiền mặt

Có TK 3381 – Phải trả, phải nộp khác

- Khi có quyết định xử lý tiền thừa:

Nợ TK 3381- Phải trả, phải nộp khác

Có TK 711- Thu nhập khác

Có các TK liên quan

✓ Trường hợp phát hiện thiếu khi kiểm kê:

- Căn cứ vào biên bản kiểm kê:

Nợ TK 1381- Phải trả, phải nộp khác

Có TK 111- Tiền mặt

- Khi có quyết định xử lý khoản tiền thiếu (không xác định được nguyên nhân), căn cứ vào quyết định:

Nợ TK 1388: Phải thu khác (Thu tiền bồi thường của người phạm lỗi)

Nợ TK 111,112: Tiền mặt hoặc chuyển khoản (Người phạm lỗi nộp tiền)

Nợ 334: Phải trả người lao động (Trừ vào lương của người phạm lỗi)

Có TK 1381: Phải Thu khác

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Sau đây là bảng kiểm kê quỹ :

Biểu số 3.1: Bảng kiểm kê quỹ

Đơn vị:	Mẫu số 08 – TT		
Bộ Phận:	(Ban hành theo Thông tư số: 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của BTC)		
BẢNG KIỂM KÊ QUỸ (Dùng cho VNĐ) Số:			
Hôm nay, vào....giờ.....ngày..... tháng.....năm.			
Chúng tôi gồm:			
- Ông/Bà:..... đại diện kế toán			
- Ông/Bà: đại diện thủ quỹ			
- Ông/Bà: đại diện.....			
Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt kết quả như sau:			
STT	Diễn Giải	Số Lượng	Số Tiền
A	B	1	2
I	Số dư theo sổ quỹ	x
II	Số kiểm kê thực tế	x
1	Trong đó - Loại
2	- Loại
3	- Loại
4	- Loại
5	-
III	Chênh lệch (III= I-II):	x
Lý do +Thừa:			
+ Thiếu:			
Kết luận sau khi kiểm kê quỹ:			
Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người chịu trách nhiệm kiểm tiền quỹ	
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	

Biểu số 3.2: Bảng kiểm kê

Đơn vị: Công ty TNHH MTV	Mẫu số 08 – TT		
Khai thác công trình thủy lợi Đa Độ	(Ban hành theo Thông tư số: 200/2014/TT-BTC)		
Bộ Phận:	Ngày 22/12/2014 của BTC)		
BẢNG KIỂM KÊ QUỸ			
<i>(Dùng cho VNĐ)</i>			
	Số: 01/2021		
Hôm nay, vào 16 giờ 30 ngày 31 tháng 12 năm 2021			
Chúng tôi gồm:			
- Ông/Bà: Đỗ Thị Khánh Hòa -Kế toán Trưởng			
- Ông/Bà: Trần Thị Hoa - Kế toán			
- Ông/Bà: Mạc Thị Hằng - Thủ quỹ			
Cùng tiền hàng kiểm kê quỹ tiền mặt kết quả như sau:			
STT	Diễn Giải	Số Lượng	Số Tiền
A	B	1	2
I	Số dư theo sổ quỹ	x	780.730.280
II	Số kiểm kê thực tế	x	780.730.000
1	Trong đó - Loại 500.000	1.130	565.000.000
2	- Loại 200.000	900	180.000.000
3	- Loại 100.000	350	35.000.000
4	- Loại 50.000	14	700.000
5	- Loại 10.000	3	30.000
III	Chênh lệch (III= I-II):	x	280
Lý do: Thiếu do không có mệnh giá tiền lẻ khi thanh toán			
Kết luận sau khi kiểm kê quỹ: Quỹ đủ			
Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người chịu trách nhiệm kiểm tiền quỹ	
<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	

(Nguồn số liệu Phòng Kế toán Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ)

➤ ***Thứ hai, hoàn thiện việc tăng cường hình thức thanh toán qua ngân hàng:***

Với xu hướng hiện nay là đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt với những khoản tiền lớn doanh nghiệp nên thanh toán qua hệ thống Ngân hàng. Bởi việc thanh toán các khoản tiền qua Ngân hàng có ưu điểm sau:

- Hiện nay hệ thống Ngân hàng phát triển trên toàn quốc, không chỉ các ngân hàng Nhà nước mà còn có các Ngân hàng tư nhân. Với công nghệ hiện đại tiên tiến, việc chuyển tiền giữa các ngân hàng rất nhanh chóng và thuận tiện. Hơn nữa doanh nghiệp đều mở tài khoản tại các Ngân hàng.

- Thanh toán qua ngân hàng sẽ đảm bảo an toàn cho quỹ tiền mặt, an toàn cho đồng tiền trong quá trình vận chuyển, gian lận, tránh sai sót trong quá trình hạch toán.

- Mặt khác lượng tiền gửi Ngân hàng còn đảm bảo khả năng sinh lời của tiền.

- Bên cạnh đó, công ty có thể tiến hành việc trả lương theo hình thức thanh toán qua thẻ ATM, việc này sẽ làm giảm áp lực cho thủ quỹ, tránh những sai sót, nhầm lẫn trong quá trình trả lương và không tồn một khoản tiền tại quỹ.

➤ ***Thứ ba, hoàn thiện việc ứng dụng tin học vào công tác kế toán:***

Mặc dù công tác hiện nay tại công ty đã có sự hỗ trợ của tin học qua chương trình Microsofl Excel, song đối với công tác thì chưa phải là giải pháp tốt nhất và tối ưu nhất. Cùng với sự phát triển ngày càng cao của khoa học kỹ thuật, có nhiều phần mềm kế toán ưu việt thì việc áp dụng một phần mềm kế toán vào là rất cần thiết.

Mặt khác công tác kế toán thủ công đòi hỏi nhiều nhân sự làm kế toán trong khi phần mềm kế toán tự động hóa hoàn toàn các công đoạn tính toán, lưu trữ, tìm kiếm và kết xuất báo cáo nên tiết kiệm được nhân sự và thời gian, tiết kiệm được chi phí cho doanh nghiệp.

Hiện nay, trên thị trường có rất nhiều các phần mềm kế toán phù hợp với mô hình kinh doanh của công ty mà công ty có thể tham khảo như: MISA, Smart Pro, Link Q...

Với quy mô hiện nay của Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ như hiện nay thì em xin được giới thiệu một số phần mềm khá phổ biến, phù hợp với doanh nghiệp.

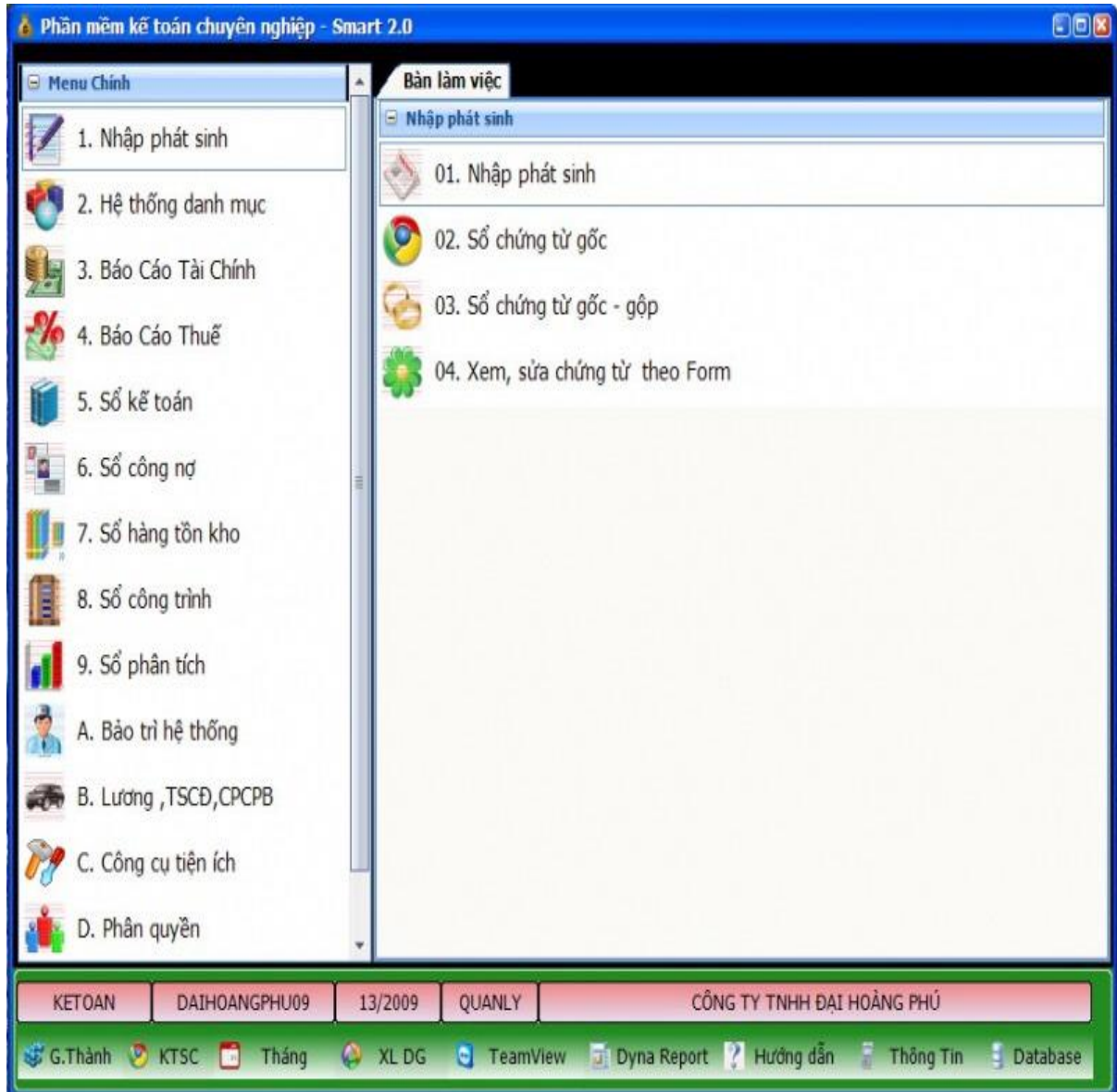
Phần mềm kế toán MISA: đây là phần mềm kế toán được nâng cấp với nhiều tính năng tiện dụng.

- ✓ Giao diện dễ sử dụng, triển khai dễ dàng, nhanh chóng
- ✓ Giá cả hợp lý giúp doanh nghiệp tiết kiệm được chi phí
- ✓ Hệ thống báo cáo đa dạng, đáp ứng nhu cầu quản lý của đơn vị
- ✓ Các dữ liệu tính toán trong MISA đảm bảo độ chính xác
- ✓ Tính bảo mật cao
- ✓ Tăng tốc độ xử lý dữ liệu, xem sổ sách, báo cáo và nhập dữ liệu nhanh chóng.



Phần mềm kế toán Smart Pro:

- ✓ Nhập dữ liệu kế toán đơn giản, dễ sử dụng, ít thao tác
- ✓ Nhập dữ liệu nhanh chóng do ít thao tác, dễ quản lý, dễ bảo trì và nâng cấp cũng như chỉnh sửa biểu mẫu báo cáo mới của Bộ Tài Chính.
- ✓ Công nghệ lọc dữ liệu thông minh, xử lý nhanh, ít tốn tài nguyên máy
- ✓ Tính ổn định cao



KẾT LUẬN

Khoá luận “Hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ” đã đề cập được những vấn đề lý luận và thực tiễn cơ bản như sau:

- Về mặt lý luận: Đưa ra những vấn đề tổng quan về vốn bằng tiền trong doanh nghiệp, nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính, các hình thức ghi sổ trong doanh nghiệp.
- Về mặt thực tiễn:
 - Phản ánh thực trạng về tổ chức hạch toán kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ với số liệu năm 2021.
 - Đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ:
 - Công ty nên hoàn thiện công tác quản lý quỹ tiền mặt.
 - Công ty nên hoàn thiện việc tăng cường hình thức thanh toán qua ngân hàng.
 - Công ty nên hoàn thiện ứng dụng tin học vào công tác kế toán.

Hải phòng, ngày tháng năm 2022

Sinh Viên

Hoàng Đức Trung

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán trong doanh nghiệp quyển 1 Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ Tài chính (2009), *Chế độ kế toán trong doanh nghiệp quyển 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài Chính.
3. Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ (2021) , *Sổ sách kế toán Công ty*.
4. Các tài liệu khác trên mạng Internet
5. Thông tư 200/2014/TT-BTC(2014), *Hướng dẫn Chế độ Kế toán trong doanh nghiệp*, Bộ Tài Chính.